TRI TÂN

Sinh ra nhằm buổi rối-ren,
Lớn lên giữa lúc khốn-khó...

Trần-Hưng-Đạo

SO 5 – 1er JUILLET 1941

TRONG SỐ NÀY :

Trần tình — *T. T.*

Bài-trừ những cán viết có hại — *Phạm-Mạnh-Phan*

Nguyễn-Duy (1809-1861) — *Tiên-Đàm*

Phê-bình « Đại-Việt Văn-Học Lịch-sử » — *Vũ-văn-Lợi*

Liệu có cuộc chiến tranh Nhật, Mỹ hay Đức, Mỹ chăng ? — *Linh-Quang*

Biện-chính hai tiếng « thằng Ngô » — *Liên-Giang*

Pháo-đài giữ bờ biển và đại-bác trong chiến-hạm — *Nguyễn-huyền-Tĩnh*

Bà Pearl S. Buck — *Nhân-Nghĩa*

Một cuộc thi lớn về lịch-sử
Tiểu thuyết. Ít danh từ mới, v.v.

Mỗi số 12 xu

TẠP CHÍ VĂN HOÁ RA NGÀY THỨ BA HÀNG TUẦN

TRẦN TÌNH

GIỮA lúc thời-buổi khó khăn, Tri-Tân mạo hiểm ra đời : Một cái khó !

Đương độ giấy đắt, giấy khan, thời-giá về nghề in cái gì cũng cao vọt, Tri-Tân đánh bạo xông ra trận bút trường van : Hai cái khó !

Nhằm buổi phần đông óc non còn say-sưa những cái « son-trẻ », những cái « lãng-mạn ngông cuồng», lê « công-thị » dưới gót giày « rông-rỡ », Tri-Tân mạnh-bạo vạch riêng một đường-lối, chủ mắt vào cái đích tu-tiến học-hành. Ba cái khó !

Dẫu sao mặc lòng, Tri-Tân cung cố xóa hết trong trí những tiếng « khó » kia, thẳng tiến lên đường văn-hóa.

Làm việc mới hơn tháng trời, Tri-Tân đã gom-góp vào kho văn-hóa chung được ít nhiều tài liệu về sử-học cũng như về văn học...

Tri-Tân, trên đường ngôn-luận, có thể tự hào : đã băng-hái tiến bước.

●

Yêu Tri-Tân, nhiều bạn đã biểu-lộ một cách quá cảm-động : thư khen lắm, thơ mừng cũng nhiều. Tri-Tân nhất nhất cảm tạ nhưng xin miễn đăng, vì Tri-Tân muốn làm việc trong lặng-lẽ.

Dẫu vậy, trước dư-luận, Tri-Tân cũng « lượm » được nhiều tiếng phê-bình :

— *Khó-khăn !*

— *Nghiêm-trang quá !*

— *Không vui !*

Vâng, những cái đó Tri-Tân cũng tự biết và xin công-nhận.

Đã là một tờ báo đứng-đắn có tính-cách khảo cứu và hệ-thống, lẽ tất nhiên không thể tránh được cái « nạn » khô-khan ! Nếu cố làm cho nó vui thì e lại hóa ra những tờ báo « son trẻ » hay những tập tiểu-thuyết kiếm hiệp mất !

Đặc-tính của *gừng* ? *Cay* ! Nếu bỏ *cay* đi, sao gọi là *gừng* được ?

Đặc-chất của *muối* ? *Mặn* ! Nếu chiều ý sở-thích của vài người mà bỏ mất cái *mặn* thì, ôi thôi, còn gì là *muối* nữa ?

●

Dư-luận lại còn khắc-nghiệt hơn nữa :

— *Giá báo hào hai một số : đắt !*

Thưa các bạn đọc thân-yêu, với cái giá báo ấy, đương lúc vật-giá quá mắc mỏ này, Tri-Tân đã phải làm một việc hi-sinh vượt quá sức !

Mỗi số báo, khổ rộng, 24 trang, riêng giấy và tiền in đã hết hơn 7 xu, khi gửi bán, đồ đồng, lại mất hăm nhăm phần trăm (25%) hoa-hồng cho các đại-lý ! Ấy là chưa kể công-lênh Toà Soạn và ty Trị-Sự cùng cước phí này khác . . .

Vậy, xin các bạn thử tính giùm : nhà báo còn bao lờ-lãi nếu bán hết một số và được tiền sòng-phẳng ?

Xin chú ý : Tri-Tân, suốt 24 trang báo, phần nhiều bài đặt tuyền chữ « nýt » (corps 8), lại hết sức « kinh-tế » không để trống một mẩu giấy thừa. Cho nên, kỳ nào, Tri-Tân cũng có nhiều mục thay đổi và nhiều bài trình-bày. Vậy thì, với cái giá báo như thế, chúng tôi tưởng, thật đã quá rẻ

●

Chúng tôi tin : Tri-Tân phải vững-chãi sống sống vì Tri-Tân đã trữ sẵn được nhiều giấy một thứ mạch máu cần nhất để nuôi sống tờ báo trong lúc giấy đắt và khan này.

Chúng tôi tin : Tri-Tân phải vẻ-vang sống, sống vì lòng sốt-sắng ủng-hộ của các bạn đọc thân-yêu, sống vì tiền trả sòng-phẳng của các thương-gia đăng quảng-cáo.

Chúng tôi tin : Tri-Tân phải oanh-liệt sống, sống vì tiếng gọi nhu-cầu của thời-đại sau những cơn người ta đã rùng-rợn bởi cái bả độc «son trẻ», giựt mình bởi cái ác-mộng lãng-mạn điên-rồ, chán-ngán bởi những lá bùa du ngủ...

Chúng tôi lại tin : Tri-Tân phải rực rỡ sống, sống vì lòng nhiệt-thành giúp đỡ của những ngòi bút chân-chính đã nổi tiếng trong văn-giới, báo-giới, học-giới và giáo-giới .. Nói đến đây, Tri-Tân xin thành thật cảm tạ các nhà chân học-giả, các tay đại thủ bút đã vui-vẻ, sốt-sắng cộng-tác với chúng tôi trong công cuộc văn-hoá từ trước đến nay và từ nay về sau.

●

Thưa các vị độc-giả và các thương-gia đăng quảng-cáo, đồng tiền là huyết mạch của tờ báo cũng như vàng và dầu mỏ là mệnh mạch của chiến-tranh

Cho huyết mạch được vận-hành hay bắt sinh khí phải ngừng tắt ? Quyền ấy cầm ở trong tay các ngài.

TRI-TÂN

GIÁ BÁO

1 năm 5p 50 Nửa năm 2p 80

3 tháng 1p 50 Mỗi số 0p 12

Công sở và ngoại-quốc gấp đôi

Thư và ngân-phiếu gửi cho ông Nguyễn-tường-Phượng 849, phố Huế Hanoi

Dọn đường cho một nền văn-hóa chân-chính

BÀI-TRỪ NHỮNG CÁN BÚT CÓ HẠI

Phạm mạnh Phan

MUỐN gom-góp tài - liệu để cung cho những thợ khéo bắt tay xây-dựng lâu-đài «văn-hóa» tráng-lệ, nguy nga, đồng-thời, ta cần phải loại ra những rơm rác chất đống bừa-bãi và những cỏ hoang mọc lên như nấm vướng chỗ ta làm.

Xin chia tay mỗi người một việc : kẻ thì cặm-cụi bên cạnh những tủ sách đông tây, lần dở những trang lịch-sử, văn - học ; người thì đặt chân trong rừng văn, lượn qua các hàng sách, với cán bút làm khí-giới, quét sạch những rơm rác ngổn ngang.

Việc «tẩy uế» làng văn không phải là một sáng-kiến gì : những vở kịch tình của nhà đại thi-hào Racine như Phèdre đã từng bị các đạo-đức-gia đương-thời nhiệt-liệt công-kích ; cuốn truyện kiệt tác Madame Bovary của Flaubert đã làm sôi-nổi dư-luận một thời ; tòa án Paris đã lôi tác-giả ra trước vành móng ngựa để toan phạt tiền về tội viết sách khiêu dâm,hại tới thuần phong,mỹ tục.

Nó là một việc cần phải làm đối với những người cầm bút mà trong thâm - tâm còn ôm ấp những điều cao quý. Nó là một việc nhơ-nhớp mà những người nói tới chẳng phải để bênh vực một mối lợi riêng hay để thỏa-mãn một tư thù hèn-hạ.

Cầm bút bài-xích những phần-tử mục-nát, hôi-thối trong làng văn làng báo là cốt để đáp lại những tiếng thúc-giục của một lương - tâm chân-chính và, sau nữa, cốt vì xã-hội làm một việc có tính-cách «vệ-sinh chung»

Vì vậy, trước đây, nhiều người đã từng nặng lời kết án những con chiên ghẻ của làng văn, làng báo.

Cũng xét tới cái nạn «đầu độc» bằng sách nhảm, truyện bậy, Chính-phủ đã ra lệnh cấm và tịch-thu những loại dâm thư. Vì thế, qua các hàng sách, những mớ giấy lộn có những tên dĩ-thõa đã bớt được một phần.

Mặc dầu các dâm-thư đã một phần bị cấm, nhưng những tâm-hồn biết cải tà quy chính, niệm kinh sám-hối vẫn chưa được bao ! Nên, trong các tủ sách ở các hàng, chúng ta vẫn thấy còn nhiều sách đáng làm mồi cho thần lửa. Và, vì vậy, công cuộc bài trừ các quái thai trong làng văn, chúng ta vẫn còn cần phải tiến-hành để xô những kẻ thù chung vào bước đường cùng mà tước khí-giới họ, bắt phải quy hàng. Lúc đó chúng ta sẽ nở những nụ cười « toàn thắng ».

◆

Thật, không bao giờ bằng bây giờ, các sách đua nhau xuất-bản một cách sốt sắng. Trên thị-trường của « kinh-đô bút mực » này, người ta chỉ thấy những linh-hồn lẳng lơ, dĩ-thõa trắng trợn quyến rũ hạng óc thơ ngây đang ham tìm những điều xa lạ.

Người nào có chút lương-tâm tất phải cả thẹn vì thấy những tên dơ dáy bẩn thỉu và dâm-bôn đường hoàng trưng trên các tấm bìa màu đẹp ! Hết nói tới gái ngoại-tình, gái mãi-dâm thì lại đến dĩ thượng-lưu, nhà thổ lậu, hạng đi ngang về tắt !

Trong mớ giấy đó có những gì ? Tuyền những chuyện kín trong các nhà săm hoặc các hộp đêm, chuyện dam-dục tanh tưởi hôi thối. Nếu không thế, thì lại là những chuyện tình vơ vẩn của những tâm-hồn ốm yếu và trụy lac, những mơ ước viển vông tọi lỗi ngoài vòng đạo đức của những con nhà vô giáo-dục.

Họ lấy làm sung sướng khi dùng những câu văn bay bướm đầy vẻ trai lơ mà ca tụng những mối tình yêu tuyệt vọng cua một hạng thanh-niên mất trí đi yêu người em gái con chú ruột mình, hoặc say đắm vẻ yêu kiều của người chị dâu góa bụa.

Họ coi như một nghệ-thuật thiêng liêng khi tả một cách tỷ mỷ và tinh-tế những cử chỉ ngôn ngữ của những đồ - đệ trung-thành của quỷ Satan ! Không một việc gì có thể khêu gợi dục tình mà họ không nói tới. Không một hành vi nào mờ ám của những thanh-niên trác-táng mà họ không nặng lời ca tụng ! Tóm lại họ đã công-nhiên không chút xượng-xùng « khai khẩn » chữ « dâm » một cách tận lực theo như những quan-niệm ti-tiện, kém hèn !

Họ đã đường-hoàng phô bày những tư-tưởng ốm yếu, sa ngã và hèn hạ của họ trong các vai truyện đầy tội lỗi. Họ đã lột trần tâm-hồn họ trên những trang giấy trắng phau có thể dùng vào

những việc cao quý.

Họ là những ai ?

— Là những văn-sĩ nửa mùa, bập bẹ vài câu sáo ngữ hoặc thuộc lòng một vài danh-từ bay bổng rồi cũng ca tụng tình yêu đằm thắm hoặc nét thơ ngây của những tuổi xuân đương độ, cũng sỗ sàng mơn trớn những trái tim non nớt và những tâm-hồn đa-cảm của một số thanh-niên nam-nữ mới nhớn lên đang thèm thuồng những cảm-giác xa lạ, đang mơ-mộng viển vông, tai-hại !

— Là những người tuy không thất học từ thuở nhỏ nhưng về nho học thì chẳng qua cũng chỉ vào hạng có thể thuộc lòng những câu « thiên trời, địa đất » mà cũng khó lòng viết nổi chữ nhất kép cho đủ nét ; về tây học thì quá lắm đỗ được cái bằng Cơ-thủy ! Thế mà họ xoay viết văn, làm báo, rồi không cần « *nộm na mách qué kiếm ăn soàng* », họ cũng vênh vang với đời ; ta là văn-sĩ ! Nhất là họ đã cho in được một vài quyển truyện dâm-bôn ghê tởm.

— Là những cậu học trò non nớt, miệng còn hơi sữa, chưa bước qua ngưỡng cửa bậc tiểu-học, đáng lẽ đang tuổi phải mở-mang trí-thức, chăm việc sách đèn thì lại tì tòe : nay ghép mấy vần thơ bá-láp, mai thảo một vài thiên tiểu-thuyết tình dâm-ô ! Rồi, tự phụ là « thi-hào », là « văn-sĩ », họ gặp ai, cũng vênh-vào tự đắc, tuồng như mình là một « thiên tài » chớm nở ! một « hòn báu » trong làng văn ! một « tương-lai đầy hi-vọng » của non sông đất nước ! Thật, còn gì khôi-hài mai-mỉa cho bằng !

◆

Đó, hạng văn-sĩ đang hoành-hành trong làng văn, làng báo một cách tai-hại ! Họ lại chiếm số đông trong số những người cầm bút. Họ là những người chỉ chuyên đầu-độc phá-hoại tương-lai của các thanh niên nam nữ thơ ngây đã nhẹ dạ cả tin ở những lời đường mật của họ, đã trót say mê những bả độc mà họ rải-rắc trên giấy trắng, mực đen !

Thật là một họa lớn cho các gia-đình, một sự chẳng may cho làng báo làng văn đã sản xuất hạng người vô học-thức, vô lương-tâm, chỉ biết khát-khao những bả vinh-quang mà họ không đáng hưởng, chỉ biết viết và tả những điều ty-tiện làm thẹn lây đến những người mang tiếng cùng nghề !

Mọi người phải ghê-tởm vì những cán bút đó chỉ biết có dâm thần là chúa, khoái-lạc là chủ-nghĩa, tiền tài và hư danh là mục-đích !

Đối với họ, lương-tâm nhà nghề và sự cao quý của ngòi bút là những chữ vô nghĩa và rỗng tuếch.

Họ là những cái ung độc. Họ là một lũ người dã-man ngang nhiên chiếm cứ làng văn cốt chinh-phục lấy những trái tim non-nớt ngây-ngô để công nhiên hủy-hoại những phần-tử cao quý của đất nước !

Trừ khử hạng « văn-sĩ » đốn-mạt, lán-lỉnh và quỉ-quái ấy đi, là một việc tối cần. Bài-xích họ, trục xuất họ ra ngoài làng văn, làng báo, là một bổn-phận bắt-buộc của những người cầm bút ngay-thẳng và tự trọng.

Đống rơm-rác đó phải dọn cho sạch để nó khỏi tỏa những mùi hôi-thối có hại tới sự sống chung của mọi người.

Vườn văn-chương tư-tưởng việt-nam trừ tiệt được họ đi mới có chỗ dành cho những « hoa thơm, cỏ lạ ».

PHẠM-MẠNH-PHAN

CHEMISETTES - TRICOTS - SLIP - MAILLOT DE BAIN

ĐỦ CÁC KIỂU, CÁC MÀU
RẤT HỢP THỜI TRANG
Mua buôn, xin hỏi hãng dệt :

PHÚC - LAI

87 - 89, ROUTE DE HUÉ HANOI -- Tél. N°: 974

Tùy hứng

Hoa trước gió

Yêu hoa, sớm dậy, nhìn hoa :
Thấy hoa đỏ chói, sắc pha ráng hồng
Trên cành, mủm-mỉm, ung-dung,
In bao nét đẹp vào trong giấy mừng.
Hoa đương nhi-nhảnh, tưng-bừng
Kéo dài thơ mộng! Thế nhưng thình-lình
Từ xa luồng gió ngông-nghênh
Lướt mây, vượt núi, bạc tình thổi qua
Làm cho tan-tác cánh hoa,
Lả-lơi rẽ nhánh, xót-xà lìa đàn !

●

Mong-manh, thương kiếp hoa tàn,
Vết thương sâu há dễ hàn cho nguôi !
Đời hoa, ngắn-ngủi, hỡi ôi !
Yêu hoa, luống những bùi-ngùi nhớ hoa !
Nhớ khi trước núi xa xa,
Mây lồng trắng — biển bao-la nghìn trùng !
Bạn hoa buông mắt xa trông :
Trời mây lộn sắc, mông-lung, mơ-màng...
Nhớ khi màn phủ hôn hoàng,
Chân trời in ráng trắng, vàng, xanh lơ...
Hoa đương bay múa phởn-phơ,
Đáp ta bằng cái nên thơ mỉm cười.
Nhớ khi chót núi, ngọn đồi,
Mây bay — tranh vẽ : thuốc bôi nét mờ.
Riêng hoa, trước gió, đòng-đưa,
Rung-rinh đượm vẻ ngây thơ mỹ-miều.
Để ta hồn đắm, lòng siêu,
Muốn quăng « hương báu », đi chiều « sắc xinh »

●

Nhưng nay ? sắc đã biến hình !
Trong ta, chất cái buồn tênh không bờ...
Trên đài « lý-tưởng » bây giờ,
Ta đương hăng-hái phụng thờ « hoa thơm »...

SONG-CỐI

Tặng nàng thơ

Xe, pháo, năm châu rối cuộc cờ :
Ngất giời sát khí, núi sông mờ !
Bao thành, đá vỡ, vôi tan tác ;
Bốn biển, tôm nhao, cá ngác ngơ.
Chinh-phụ, trước đèn, khăn đẫm lệ,
Chúng-sinh, trong mộng, ruột vò tơ !
Sống còn, sợi tóc treo trăm tạ,
Yên ủi chăng, còn mấy vận thơ.

CÁCH-CHI

Sáng hè

Sau đêm hè, ép xác chảy mồ hôi,
Tắm gió sớm hây hẩy giữa sân chơi.
Mây đằng đông cuồn cuộn như phi kỵ,
Phun khói lên phất phới tựa tóc bay,
Phía sau mây bỗng chốc cháy đỏ rực :
Nghìn tên lửa tua tủa vụt lên giời ;
Quả cầu lửa lừ lừ nhô khỏi đất,
Lơ lửng treo giữa quãng khói đen vây.
Khắp dưới giời bao la rực rỡ sáng,
Cả muôn loài vui vẻ dậy đón ngày.
Hoa nhoẻn cười, chim hót, ong vo ve.
Ngày bắt đầu : hứa hẹn hãy còn giài...

CÁCH-CHI

Hữu cảm

Vách Khổng tan-tành tung cát bụi !
Lửa Tần ngùn-ngụt bốc tang-thương !
Dưới giời gầm-thét cơn mưa gió,
Chỉ thấy bay lòe kiếm bá-vương !

ĐỨC-GIANG

Danh-nhân

NGUYỄN - DUY

(1809 — 1861)

ÔNG Nguyễn-Duy tên chữ là Nhữ-Hiền, người làng Chí - long, tổng Chính-lộc, huyện Phong-điền, tỉnh Thừa-thiên.

Ông là em ruột ông Tổng-thống quân-vụ Nguyễn - tri - Phương.

Theo gia-phả họ Nguyễn ở làng Chí-long, ông sinh ngày 21 tháng chạp, năm kỷ-tỵ (1809), niên hiệu Gia long thứ tám.

Năm Minh-mệnh thứ 8 (1827), ông đỗ tú-tài; đến Thiệu-trị nguyên niên (1841) đỗ cử-nhân.

Qua năm Thiệu-trị thứ hai, Nhâm-dần (1842) ông ân khoa, ông thi hội, đỗ đệ tam giáp tiến-sĩ.

Niên hiệu Thiệu trị thứ ba (1843,) sơ bổ biên-tu Nội-các, rồi ông được thăng Hàn-lâm-viện tu-soạn (1844).

Niên hiệu Thiệu-trị thứ năm, (1845), ra tri-phủ phủ Tân-an. Sau, vì có tang thân phụ ông phải về cư tang (Tự-đức nguyên-niên 1848).

Năm Tự-đức thứ hai (1849), ông được cải bổ tri-phủ Quảng ninh thuộc tỉnh Quảng-bình. Quan Bố-chính tỉnh ấy là Trương-đăng-Đệ phụng chỉ sát hạch các quan lại tỉnh Quảng-bình, có ghi vào lý-lịch ông những nhời khen : « *Ở với dân thì khoan - hòa, làm việc rất thanh liêm, gìn giữ* ». Ông Đệ tâu xin đặc-cách thăng ông Duy lên chức biện-lý (tức là án-sát).

Vua Tự đức tiếp được sớ tấu ấy, cho đòi ông Duy về Kinh bệ kiến, ban khen và cho thăng chức Thị độc ở Nội các.

Đến năm Tự đức thứ 5 (1852), ông được thăng Thị giảng học sĩ và được cử đi sứ Tầu.

Khi ấy, ngoài khơi, có giặc Tầu ô cướp phá các thuyền bè ở dọc bờ bể Trung-hoa, thành ra thuyền sứ Nguyễn Duy không sao về được!

Mãi năm Tự đức thứ 8 (1855) ông mới về phục mạng. Vua Tự-đức phán rằng : « Khanh đi muôn dặm xa xôi, ba năm khó nhọc, trở về được bình yên, đã làm trọn được việc nước ». Rồi nhà vua thưởng 1 cái trung bạng kim khánh, 50 lạng bạc và ban cho một bài thơ khen tặng ủy lao.

Sau khi đi sứ, ông được thăng hàm Đài-lý tự khanh lĩnh biện-lý bộ Lại

Năm Tự-đức thứ 9 (1856), binh thuyền Pháp đến cửa Đà nẵng. Ông được cử cùng ông Đào-Tri nghĩ cách đắp đồn lũy để phòng ngữ. Xong việc ấy, ông lại về Kinh, phục chỉ.

Đến năm Tự đức thứ 13 (1860), ông được sung Gia-định quân thứ Tán-lý đại-thần.

Năm Tự-đức thứ 14 (1861), binh Pháp đánh đồn Kỳ-hòa, bắn súng liên-thanh; ông ra ngăn chống, bị đạn chết tai giữa trận. Thọ 53 tuổi. Vua Tự-đức rất thương tiếc, truy tặng Binh-bộ tả tham-tri, ban cho 500 quan tiền tuất để chôn cất; lại sắc cho con cháu bao giờ đến tuổi trưởng thành sẽ do bộ tâu lên lục dụng. Năm Tự đức thứ 15 (1862) ông được tùng tự vào miếu công-thần và được thờ tại đền Trung-hiếu trong làng Chí-long.

TIỀN-ĐÀM

Ai muốn sống lâu ?

BÁC-sĩ Raymond Pearl, giáo sư khoa sinh-lý-học ở đại học đường John Hopkins bên Mỹ, nhận chắc chắn rằng những người hút thuốc sẽ chết trước những người không hút.

Đó là bằng cứ vào bản thống-kê về 100 000 người không nghiện, 100 000 người nghiện điều độ và 100 000 người nghiện nặng, tất cả 3 hạng đó đều sống trên 30 tuổi.

Nhưng tới năm 60 tuổi thì chỉ còn có 66.564 người không nghiện, 61 911 người nghiện điều độ và 42.226 người nghiện nặng.

Sự nghiên cứu đó tỏ ra rằng: «hút thuốc, theo lời bác-sĩ Pearl, làm cho đời người ta càng ngày càng kém dần một cách rõ-rệt. Sự kém đó tùy theo sự nghiện thuốc hàng ngày nặng hay nhẹ mà tăng giảm.

Nhà thông thái đó cũng đã nghiên cứu về ảnh hưởng của những công việc nặng nề với sự sống lâu của người đời. Tới năm 40 tuổi, những công việc nặng đó không can hệ chi cả, nhưng ngoài 40, chúng sẽ làm giảm đời người ta nhiều lắm.

Mạnh-Phạn dịch

ĐỌC

« ĐẠI-VIỆT VĂN-HỌC LỊCH-SỬ »

của NGUYỄN-SĨ-ĐẠO

« Vơ, vẩn tơ vương hồn Đại-Việt,
Thanh-tao thép lột giọng Hàn-Thuyên. »

CÓ lẽ ông Nguyễn sĩ Đạo đã từng ngâm đi ngâm lại hai câu thơ trên, nên vừa « cho ra » tập « Đại-Việt văn-học lịch-sử », để lấp một chỗ khuyết-điểm trong văn-giới, vì theo ý ông, « *về* « *lịch-sử chính-trị từ Hồng-* « *Bàng đến nay, đời nào cũng* « *có người chép, nhưng lịch sử* « *văn-chương thì đến tận bây* « *giờ vẫn chưa thấy xuất-hiện* « *ở văn-giới ta* » (Lời đầu sách). Thật là một sự đáng mừng, tuy chủ ý tác-giả là « *chỉ định soạn một quyển văn-học-sử* thật tóm tắt *để được dễ phổ thông...* » (Lời đầu sách).

Nhưng tóm-tắt quá e khô-khan, có hại cho sự phô-diễn và không gợi được trí suy-nghĩ và phán-đoán của độc-giả chăng? Trước khi trả lời, chúng ta hãy chịu khó đọc kỹ cuốn sách day 126 trang này xem sao.

Sách chia làm hai phần :

a) Văn-tự lược-khảo ;

b) Việt-văn lịch-sử.

Trong phần thứ nhất, tác-giả đã tóm-tắt sự tiến-hóa của văn-tự trải qua các thời-đại (thượng-cổ, trung-cổ, cận-cổ, cận-kim). Rồi tác-giả luận về văn-tự hiện-kim (tính-cách ngôn-ngữ ; tiếng mường « có thể coi là một thứ tiếng cổ-việt không bị ảnh-hưởng của văn-hóa ngoại-quốc, hay là một thứ tiếng cùng một gốc-tích với tiếng ta » (?); các thể văn ; các lối chữ viết (chữ hán, chữ nôm, chữ tây, chữ quốc-ngữ) và địa-vị của Việt-ngữ.

Phần thứ nhì, « Việt-văn lịch-sử » mới thật là phần quan-trọng của cuốn sách. Tác giả chia làm bốn thời-đại : a) Thượng-cổ thời-đại ; b) Trung-cổ thời-đại ; c) Cận-cổ thời-đại, d) Cận-kim thời-đại.

Vì quốc-sử có liên-lạc mật-thiết với văn-học, nên tác-giả mỗi khi bàn đến văn-học ở một thời-kỳ nào cũng không quên tóm-tắt quốc-sử để ôn lại trong trí nhớ của ta những việc đã xảy ra. Ngoài ra, tiểu-sử các danh-sĩ đã chiếm một phần khá lớn. Một thí-dụ : Tác-giả, trong một cuốn sách *thật tóm tắt* đã nói rất nhiều về Lê Thánh Tôn với Tao-đàn nhị thập bát tú (10 trang). Quyền luật Hồng-Đức được ông Nguyễn sĩ Đạo chú ý đặc-biệt, vì « đạo luật này trọng nữ quyền,... rất đầy đủ công bằng nhân-đạo ». Nhưng hà tất phải nói đến « những việc tỉ-mỉ trong gia-đình » (như « khi vợ chồng son mà 5 tháng chầy »... v... v...), nhất là ở trong phạm-vi một cuốn sách *thật tóm tắt*? Tên 28 vị trong Tao-đàn có lẽ cũng thừa, vì dẫu có biết đu cũng không ích-lợi chi : các vị ấy đã trước-tác được những sách gì, còn lưu lại đến ngày nay? Không thấy tác-giả đả-động đến !

Bàn về « Các dịch giả » ở Cận-kim thời-đại, ông Nguyễn sĩ Đạo kể tên các ông Nguyễn văn Vĩnh, Phan kế Bính, Nguyễn khắc Hanh và Nguyễn đỗ Mục. Có lẽ ông đã vô tình hay hữu ý mà không nói đến các ông Nguyễn bá Học, Phạm duy Tốn, Phạm Quỳnh, v... v... Hay tại ông muốn tóm tắt quá, nên đã có sự khuyết điểm đáng tiếc ấy?

Ông viết : « Các truyện dịch của Tàu này (Mạnh lệ quân, Nữ quân tử, v... v...) « được « lắm độc-giả *đã làm nẩy nở* « *ra những tiểu-thuyết mới nó* « *là một đặc-sắc của văn-chương hiện kim* ». Những truyện dịch này được lắm độc-giả, là một việc ; nhưng « đã làm nẩy-nở ra những tiểu-thuyết mới lại là một việc khác. Thế nào là « tiểu thuyết mới » ? Những cuốn truyện kiếm-hiệp, trinh thám chăng ? Hay những tác-phẩm như *Tố-Tâm*, *Nửa chừng xuân*, *Đoạn tuyệt* ? Dẫu sao, câu văn của ông Nguyễn sĩ Đạo cũng tối nghĩa vô cùng và không đúng sự thực nữa. Vì các truyện dịch của Tàu ấy chỉ đủ sức du ngủ được độc-giả, chứ có đâu « *làm nẩy nở ra những tiểu-thuyết mới* » ?

Theo ngu ý, thì những tiểu-thuyết xuất-bản từ 1924 đến nay (*Cảnh thu di hận*, *Kim-Anh*

lệ-sử, Tố-Tâm v... v...) đều do những cây bút mới viết ra, chịu ảnh-hưởng của văn-chương pháp thì có, chứ không hề chịu một chút ảnh-hưởng nào của những cuốn truyện dịch của Tàu. « Tiểu-thuyết mới » có thể coi là « *một đặc-sắc của văn-chương hiện kim* » được không ? Quyết không ! Vì « đặc-sắc của một nền văn-chương nào, trong một thời-kỳ nhất-định, là cái khuynh-hướng của các nhà văn ở thời-kỳ ấy, khi soạn những tác-phẩm, chú-trọng về mặt tình-cảm, xã hội, hay tâm-lý, v. v. Vì như văn-chương pháp, hồi đầu thế-kỷ thứ 19, từ thi-ca, kịch-bản cho đến tiểu-thuyết đều thiên về tình-cảm cả, nên đặc-sắc của văn-chương trong thời kỳ ấy là tính lãng-mạn.

Ông Nguyễn-sĩ-Đạo viết « . . . *tiểu-thuyết mới nó là một đặc-sắc của văn-chương hiện kim* » (trang 110) khác nào ta viết : Thi-ca là một đặc sắc của văn chương Anh. Thật chẳng có nghĩa-lý gì cả !

Các nhà văn phái cổ (ở Cận-kim thời-đại) như các ông Nguyễn-Khuyến, Dương Khuê, Chu-mạnh-Trinh v. v. được tác giả phê bình « thật tóm tắt » trong mươi giòng, mà cũng không có tiểu sử ! Có lẽ các bậc ấy không phải là « danh-sĩ » chăng ?

Bàn về « *Văn phái mới* », tác-giả viết : « Tuy *công kích những su-hướng của phái cũ là không có sáng-kiến chỉ theo những sáo hủ*, nhưng *phái mới* tuy *muốn đi ngược lại* mà *chỉ mắc vào những tật họ đã chế-riễu* ». Câu văn tuy không tối nghĩa, nhưng nó mới lủng-củng làm sao ! Rồi ông kết-luận : « *Dù là phái mới hay cũ, thời-kỳ này chỉ có* một đặc-sắc *là văn chương về hình thể* (hay hình thức ?) *đều chịu ảnh-hưởng hoặc của Hán văn hoặc của Pháp-văn, còn tinh thần thì do hoàn cảnh tạo nên* ».

Luận về « *Văn-chương hiện-kim* », ông Nguyễn sĩ Đạo viết : « . . . *thơ mới, tiểu-thuyết là* hai lối văn đặc-sắc *ngày nay* . » tuy « *tiểu-thuyết phần nhiều vẫn còn mô phỏng những truyện ái-tình dâm-đãng của Tây-phương có hại đến thuần phong mỹ-tục nước nhà* » (trang 113). Hai chữ « đặc-sắc » đã được tác-giả dùng đến luôn, và nghĩa mỗi chỗ lại một khác !

Tóm lại, quyển *Đại Việt văn-học lịch-sử* chỉ có thể gọi được là Đại Việt văn học sử-lược. Tuy tác giả đã có công-phu sưu tầm, nhưng tôi e chưa đạt được đến mục đích. Nhiều chỗ tác giả nói một cách quả-quyết, nhưng không có bằng-cớ gì chắc chắn. Một bảng kê các sách tham-khảo sẽ không phải là thừa. Đây một thí-dụ : Căn-cứ vào đâu mà tác-giả viết « *Cách ngày nay độ 5000 năm, người Việt đã lập thành một xã-hội có văn-hóa*. Họ đã nghĩ ra một lối chữ tiêu-âm *để ghi chép các thanh-âm của tiếng nói*. Thứ chữ này bị tiêu diệt *bởi cuộc Bắc thuộc ngót nghìn năm* » ?

Một đôi chỗ dùng chữ quá sốn sượng ! Như trang 50, câu : « *Họ*... (nhà Minh) *sang chiếm cứ trong vòng* 20 *năm* (*1407-1427*) *thì 10 năm trước đánh nhau với nhà Hồ và Hậu Trần, 10 năm sau chống cự với đảng Lê Lợi*... » Không biết tác-giả nghĩ thế nào mà đã hạ bút viết « đảng Lê Lợi » ? Thiết tưởng tác giả nên thận-trọng khi dùng chữ. Cuốn *Đại-Việt văn-học lịch-sử* này so với những cuốn Văn-học sử Pháp cho các thí-sinh đi thi tu-tài dùng (loại Résumé Aide-Mémoire) còn kém xa một bậc, tuy tác-giả đã mô phỏng theo từ hình-thức đến nội-dung.

Trong « Lời đầu sách » tác-giả cho rằng « *lịch-sử văn chương... đến tận bây giờ vẫn chưa thấy xuất hiện ở văn giới ta* ». Có lẽ không đúng sự thực. Tuy chưa có cuốn nào hoàn toàn nói về văn học-sử, nhưng trong quyển *Việt Nam sử lược* của ông Trần trọng Kim, và nhất là quyển *Việt Nam văn-hóa sử cương* của ông Đào Duy Anh, đều có lối tóm tắt hay rõ ràng về văn-học sử nước ta, trải qua các thời đại. Thiết nghĩ còn dầy dủ hơn tác-phẩm của ông Nguyễn sĩ Đạo. — Còn về tiểu-sử các danh-sĩ thì trong quyển Quốc-văn trích-diễm của ông Dương quảng Hàm còn nhiều tài liệu đời dào hơn.

Dẫu sao, cuốn *văn-học lịch-sử* (gọi là văn-học sử lược có lẽ đúng hơn) của ông Nguyễn sĩ Đạo cũng đã có công nêu lên « một vấn-đề quan-trọng đến tiền-đồ văn-học ». Không phải một người, có thể làm nổi cuốn Việt-Nam Văn-học sử cho xứng-đáng với cái tên ấy, cũng không phải một ngày có thể làm xong. Tất phải cần có nhiều nhà học-gia gom công, góp sức mới mong đạt được đến mục đích vậy. (1)

Hội-Thống Vũ-Văn-Lợi

(1) Kỳ sau sẽ bàn về « Văn chương hiện kim », vì tôi không biểu đồng tình với ông Nguyễn sĩ-Đạo.

NGÓ SƠ NGHỀ BÁO NGOẠI-QUỐC

Nhật Nham

NGHỀ làm báo mới nhập-cảng vào nước ta non một thế-kỷ nay, từ sau khi có cuộc Bảo-hộ, nhưng đã xuất-hiện ở Tây-bán-cầu từ thượng-cổ thời-đại.

Nghề báo đã có từ lâu đời như thế, nên các tài-liệu về nguồn gốc rất hiếm và phần nhiều không xác-thực.

Người La-mã hình như đã sản-xuất nghề làm báo trước nhất. Họ xuất-bản những tờ thông tin như *Acta Diurna* (Nhật báo), *Acta Urbana* (Tin La-mã) *Acta Publica*, (Thời-sự). Ngoài những bài về thời-sự, các báo này còn đăng cả tin các cuộc vui, quảng-cáo, bá-cáo về sinh-tử, giá-thú.

Về trung-cổ thời-đại, nghề làm báo bị tiêu-diệt trước thế lực đạo Gia-tô. Mãi đến thế-kỷ XVI, báo-giới lại xuất-hiện, chú-trọng về về hiện-trạng xã-hội và các tin tức về thương-mại.

Năm 1572, nhà Chung đem toàn-lực ra bài-xích nghề làm báo, nhưng không sao thắng được sức bành-chướng của báo-giới. Sau, nhà Chung cũng phải công-nhận ực-lượng của báo-giới và lại giúp thêm tài-lực.

Giáo-hoàng Pie X công-bố bán sẽ hết tài-sản nhà Chung để duy-trì tờ báo về tôn-giáo, không khi nào lại để nó phải tiêu-diệt.

Giám-mục Mercier nhất định đình công-việc xây nhà thờ để xuất-bản một tờ báo tôn-giáo.

Ở Pháp, tờ nhật-báo Palma Gayet xuất-bản trước nhất. Năm 1606 báo Mercure François ra đời, chú-trọng về sử-học Nhưng hai tờ báo này xuất-bản không đều.

Vì vậy, năm 1631, ông Théophraste Renaudot, một nhà vật-lý học trứ-danh, cho ra tờ tuần-báo Gazette de France, có triều-đình ủng-hộ. Chẳng bao lâu, báo này được công-nhận làm cơ-quan của Chính-phủ Chính tay Hoàng-đế Louis XIII sửa chữa các bài về chính-trị và quân-sự.

Tuy luôn được Thủ-tướng Richelieu trợ-cấp cho, nhà sáng-lập tờ Gazette de France lúc lâm-chung rất thanh-bạch.

Ông Théophraste Renaudot được dân-chúng coi là bực tiền-bối trong nghề « thày đời » là một vị tiên phong trong « toán quân » báo-giới

Tới thế-kỷ thứ 18, mới có nhiều báo phát-hành vào những ngày nhất định và có ảnh-hưởng rất tốt đến dân-trí.

Báo Ba-Lê (Journal de Paris) là tờ báo đầu tiên về loại này, xuất-bản vào ngày 1er Janvier 1777.

Nước Anh có báo chính-trị từ hồi cách-mệnh thế-kỷ thứ 17 năm 1644, nhà thi-hào Milton làm thơ để bênh-vực quyền tự-do ngôn-luận.

Bên Pháp, đạo luật năm 1830 bỏ kiểm-duyệt báo-chí và cho dân-chúng được tự-do phát-biểu ý-kiến của mình bằng sách vở báo chí.

Báo la Presse xuất-bản ngày 1er juillet 1836, bán một giá rất hạ, khiến ai ai cũng có thể mua báo mà xem.

Trước kia, mua một nam báo, ít nhất phải 80 quan, mà lại phải trả tiền trước, vì số in ra có hạn nhất định, nên chỉ riêng các nhà hào-phú mới mua nổi một tờ báo để xem. Muốn mua lẻ cũng không có vì khi đó chưa có trẻ bán báo rong.

Số độc-giả rất ít : Nghề báo không được tiến-bộ !

Từ ngày 1er Juillet 1836, tờ La Presse ra đời, nhờ có nhiều trang quảng-cáo giúp đỡ tiền in, nên bán một giá rất hạ. Vì vậy, tờ báo không còn là một cơ-quan ngôn-luận, một trung-tâm của tư-tưởng dân-chúng, mà là một lợi-khí của một cá-nhân hay của một bọn tư-bản.

Theo gương ông Emile de Girardin là chủ tờ báo « La Presse », ông Armand Dutacq xuất-bản báo « Le Siècle » cũng bán một giá rẻ để cho có nhiều người mua.

Hai tờ báo này không chú-trọng về văn-chương, chỉ đăng nhiều quảng-cáo là một cái nguồn lợi của nhà làm báo.

Báo-giới mất cả tính-cách độc-lập như thế, nên hai tờ báo « Le temps » và « Le Bon sens » ra đời, hết sức công-kích các báo bị lợi-dụng. Rồi đến kiện-cáo nhau, rồi đến cuộc giết mất nhà văn Armand Carel !

Ông Saint Beuve tố cáo những cái dở của báo-giới đương-thời.

Kế đến ông Louis Blanc tuy công-nhận giá báo rẻ làm tăng số độc-giả, nhưng cũng công-phẫn trước hành-vi các nhà báo đã làm mất tư-cách của các cơ-quan ngôn-luận.

Nhưng cái xấu vẫn thắng cái hay !

Càng vào sâu, càng đến gần hiện-tại, ta càng thấy báo-giới bỏ hết sự thực, mất hết tinh-hoa, làm sai-lạc cả bổn-phận giáo-hóa công-chúng và chỉ lối đưa đường cho độc-giả : không con xứng-đáng nhiệm-vụ thiêng-liêng !

Dưới chính-thể tư-bản, nghề làm báo càng phát-đạt bao nhiêu, thì báo-giới càng ở trong vòng kiềm-tỏa của các nhà triệu phú, các nhà tài-chính, các nhà đại-kỹ-nghệ ..!

Năm 1839, ông Sainte Beuve công-kích các báo đã quá thiên về phái kỹ-nghệ.

Ông Emile Augier nổi lòng công-phẫn khi thấy một nhà trọc-phú vô-học mua lại rồi đứng chủ-trương một tờ báo !

Năm 1856, ông Emile de Girardin nhường tờ «La Presse» cho ông Milland là chủ một ngân-hàng.

Vì vậy, từ đó, các báo phần nhiều là cơ-quan bênh-vực lợi-quyền riêng của một cá-nhân tư-bản hay của một nhóm tài-chính.

Nhiều báo ra đời.

Riêng ở Paris, năm 1881, có 23 tờ báo, rồi dần dần nhiều báo lại tiếp tục «khai sinh»

Năm 1881, báo Intransigeant xuất-bản
— 83, báo La Croix —
— 86, — L'Autorité —
— 92, — L'Eclair —
— 95, — La Petite Republique —
— 1904 — L'Humanite —
— 11, — La Democratie và L'Action française —
— 28, — L'Ami du Peuple —

Bảng dưới đây làm chứng cho sức bành-chướng nghề báo trên hoàn-cầu.

Năm 1920 :

Hoa-kỳ có 2.400 nhật-báo, 14 800 tuần-báo, in mỗi lần 28 700.000 tờ. Số này tăng lên 35.730.000 tờ, năm 1923.

Anh-cát-lợi có 2.400 nhật-báo.
Nhật-bản có 3.000 nhật báo.
Tiệp-khác có 2.000 nhật báo.
Thụy-sĩ có 2.000 nhật báo.

Năm 1926 :

Đức có 3.812 nhật báo và 4.309 tuần báo.

Bỉ có 1.100 nhật báo.

Gia-nã-đại có 1.500 nhật báo.

Tây-ban-nha có 2.000 nhật báo.

Đan-mạch có 750 nhật báo và 320 tuần báo.

Các nhà in báo trên hoàn cầu cộng 10.627, thu dụng 238.500 thợ.

Ở Paris, có hàng trăm nhật báo, hằng ngày in hàng 500 000, tờ tuần báo như Candide hay Gringoire cũng xuất bản tới số ấy.

Cac báo đều sống về quảng cáo

Nam 1925, báo Mỹ thu được 750 triệu mỹ kim về quảng cáo.

Một tờ báo Pháp cho thuê quảng cáo được 5 triệu quan.

Nam 1926, báo Anh đang nguyên quảng cáo được 1.550.000.000 bảng vàng.

Xem thế, thì kỹ nghệ báo chí được thịnh vượng là nhờ ở sự quảng cáo của cá nhân hay của một đoàn thể. Nếu không cẩn thận, để thế lực tư-bản lợi dụng, thì cơ quan truyền bá tư tưởng sẽ mất hết tinh thần cao thượng, sẽ bỏ hết nhiệm vụ thiêng liêng để đi vào con đường trụy lạc.

NHẬT NHAM

MỘT CUỘC THI LỚN VỀ LỊCH-SỬ

Để mua vui và tỏ ý liên-lạc mật thiết với các bạn đọc thân-yêu, Tri-Tân tổ chức một cuộc thi lớn về lịch-sử.

I. Đầu bài

Viết một thiên lịch-sử ký-sự (récit historique) thuộc phạm vi Nam-sử bất cứ về đời nào, miễn phải là những sử-liệu chưa ai nói đến và chưa đăng báo bao giờ (inédit).

Đầu bài thì tùy tác-giả có thể tự ý lựa lấy :

a) Hoặc căn-cứ vào các tài-liệu xác-đáng trong sử sách (nhưng phải trưng - dẫn nguyên - văn những đoạn sách đã tham khảo và phải ghi cả tên sách cùng số quyển, số trang).

b) Hoặc đến tận nơi quan-sát những danh-thắng có quan-hệ đến lịch sử (monuments historiques), nhưng phải có ảnh chụp làm bằng-chứng.

c) Hoặc nhặt-lượm những tài-liệu sống do bậc cố-lão kể lại, nhưng người kể ấy là ai, phải cho biết tên, họ và địa-chỉ để phòng còn phải điều tra lại.

II. Thể lệ

Các bài dự thi phải viết vào giấy khổ rộng bằng giấy học trò (papier écolier), viết một mặt giấy thôi, ít nhất là mười trang, nhiều nhất là mười lăm trang để tiện nếu trúng cách, sẽ đang độ hai kỳ báo.

Muốn cho công bằng, dưới bài thi người dự thi chỉ ký biệt hiệu, còn tên và địa chỉ thì bỏ vào một phong bì gián kín lại kèm với bài thi.

Các bài dự thi đều gửi cho ông Chủ nhiệm báo Tri Tân số nhà 349 Route de Huế Hanoi, ngoài bì nhớ đề : *« Dự cuộc thi lịch sử »*

Hạn nhận bài kể từ đầu Juillet đến 31 Août 1941 là hết.

Khi chấm, Tri-Tân sẽ mời một ban gồm có những nhà nổi tiếng trong sử-học-giới đứng điểm - duyệt. Đến đầu tháng Octobre 1941, nghĩa là sau khi hết hạn thu bài một tháng, Tri-Tân sẽ tuyên-bố kết quả. Những quyển nào trúng thưởng, Tri-Tân sẽ lần lượt đăng vào mục sử-học trong bản-chí, còn bản quyền vẫn thuộc tác-giả. Những bài không đăng, không trả lại bản thảo.

III. Giải thưởng

Giải nhất. — 25p và 2 năm báo Tri Tân.

Giải nhì. — 15p, 1 năm và 6 tháng báo T. T.

Giải ba. — 10p, 1 năm báo T. T.

Năm giải khuyến khích : Mỗi giải một năm báo Tri-Tân.

Nếu cần, Tri - Tân sẽ lấy thêm năm giải yên-ủi nữa (mỗi giải yên-ủi : nửa năm báo Tri Tân).

Mong rằng các bạn hưởng-ứng cho thật đông, trước là dự một cuộc « chơi văn », sau là nhân dịp khảo-cứu về sử-ký nam-việt.

TRI TÂN

Biện - chính hai tiếng « THẰNG NGÔ »

XEM bài « khảo-cứu về xã-hội việt-nam » của ông Mai-đẳng-Đệ đăng ở tuần báo Nam-Cường số 2, ngày 14 juin 1941, tôi thấy ông có ức đoán về vấn đề « tại sao ta lại gọi người Tàu là thằng Ngô » : Tiếng « Ngô » bởi gốc-tích tự đời Xuân-thu. Dân nước Việt vốn thù nhau với dân nước Ngô, tránh về miền nam, lâu ngày thành thói, cứ gọi người cừu-địch là thằng Ngô Ông lại dẫn chứng thuyết của ông Cucherousset. cho dân nước Nam ta là giống Việt đời Chu, di cư mãi sang bộ-lạc bên này, lập thành bộ Lạc-Việt.

Xét trong Bắc-sử : Giòng-giõi vua Thiếu-Khang nhà Hạ được phong ở Cối-kê, đặt tên nước là Việt. Bảo nhiều thung lũng ở về phía nam nước Tàu ngày xưa, từ khoảng đất mà bây giờ là tỉnh Chiết-giang, Phúc-kiến, Giang-tây, Quảng-đông và nước Nam ta đều có những chủng-tộc phân cư, gọi là Bách-Việt.

Trước khi con cháu vua nhà Hạ được phong ở đất ấy, hẳn đất ấy đã có sẵn thổ dân ở rồi. Không lẽ nào vua Hạ phong cho con cháu mình đến cai-trị một xứ không có dân cư. Vậy thì thổ dân Bách-việt vốn từ nhà Hạ đã có.

Còn như thế-đại biến thiên, giống nòi pha lộn, thì những nhà chủng-tộc-học có tiếng cũng chưa truy nguyên ra được nòi giống việt-nam mình phát tích ở đâu. Nay nếu bằng vào tiếng gọi « thằng Ngô » mà bảo giống mình do ở dân nước Việt Câu Tiễn di cư sang, thực là lời phán-đoán quá bạo !

Nên xét rằng . Việt Câu-Tiễn thua Ngô Phù-Sai từ năm 494 trước Thiên-chúa giáng sinh, mà sau chỉ cách có 22 năm, Việt lại trả thù Ngô, đem quân đánh lấy hẳn nước ấy. Rồi 140 năm sau, Việt lại bị Sở thôn-tính. Nếu dân Việt có thù thì thù dân Sở, hẳn không khi nào lại còn căm giận dân một nước mà chính mình đã diệt người ta.

Vả lại, Hán đô-hộ nước ta ngót 300 năm, Ngô đô-hộ 70 năm, đến Tấn, Tống, Tề, Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, tất cả 335 năm nữa, rồi mới đến thời-kỳ nước ta tự lập. Tính ra hơn nghìn năm, người Nam ta há lại không có tên gì để gọi người Tàu mà chỉ có một tiếng « Ngô », để ban mãi cho dân nước phía bắc ?

Theo như ý riêng tôi xét ra, người mình đối với người Tàu vẫn có cái quá khứ đầy cạnh-tranh và xung-đột. Bao nhiêu phen bị đô-hộ, bị áp-chế ; mà cũng bao nhiên phen nổi lên đuổi thái-thú, giết thứ sử. Lại những khi dân mình dựng được nước tự trị, họ cũng còn cất binh sang sâm lấn : mình phải dùng võ-lực, mới đuổi được họ đi. Lẽ tất nhiên dân ta, xưa kia, đối với họ, không có thiện-cảm gì mấy.

Lấy chứng ở sử nhà Trần mà nói : Lúc quân Nguyên sang cướp bờ cõi ta, quân lính ta nhiều người phẫn-uất, khắc chàm vào cánh tay hai chữ « sát Thát », nghĩa là giết thằng «Thát». *Thát* tức là *rợ Mông-cổ* vậy. Vậy đời nhà Trần gọi người Tàu là thằng « Thát », thì tất nhiên đời Lý gọi họ là thằng « Tống » ; trở lên là thằng « Đường », thằng « Hán », v. v. cũng chưa biết chừng.

Nay nói đến thằng « ngô ». Mai tiên-sinh chắc không quên rằng Chu - nguyên - Chương, vua nhà Minh, trước 6 năm, khi chưa lên ngôi hoàng-đế, vẫn tự xưng là Ngô vương. Lúc đầu vua Ngô khởi sự từ miền nam, lấy Định-viễn, Từ-châu, đánh ra Giang-tả, lược định cả Hoài-nam, Chiết-đông, Giang - tây, cùng đất Kinh Sở, rồi diệt được nhà Nguyên. Tiếng tăm lừng lẫy cả phía nam đồn dậy sang nước Việt ta rằng vua Ngô phá được quân Thát, nhất thống cơ-đồ. Du sau này Ngô vương có đổi quốc hiệu lại là Minh, nhưng cái tiếng gọi đã quen ở cửa miệng, người mình không muốn thay tiếng khác nữa.

Lại thêm 14 năm, họ sang đô hộ ta, chính sự rất đỗi ác nghiệt, khiến ta ai oán vô cùng! Cho nên, khi vua Lê-Lợi dấy quân, đâu đâu cũng hưởng ứng. Ai cũng nuôi một chí-nguyện muốn đuổi thằng «Ngô», chém thằng «Ngô», cũng như khi ở đời Trần, muốn giết thằng Thát vậy. Trong Đại-Việt Sử-ký bản kỷ thực lục. chép rõ ràng rằng: *« Đế ký binh Ngô, đại cáo thiên hạ »*. Nghĩa chữ «Ngô» phát nguyên đã rành rành ra đó, lọ là còn phải tìm lên những bao nhiêu đời triều.

Phương ngôn tục-ngữ ta nếu vao khoảng độ năm sáu trăm năm nay, thì ở bia miệng nhân gian

Xem tiếp trang 15

LIÊN-GIANG

PHÁO - ĐÀI GIỮ BỜ BIỂN VÀ

TRONG hồi Âu-chiến 1914-1918, hạm đội Đồng-Minh gồm có nhiều thiết-giáp-hạm (BOUVET, SAINT-LOUIS, GAULOIS, CHARLEMAGNE, ACHILLES, AGAMEMNON) mang đại-bác 305 li, 294 li, và tuần-dương-hạm mang đại bác 152 li, đã có phen tấn-công dữ dội vào eo bể DARDANELLES. Nhưng, cuộc bắn phá mãnh-liệt đó không giúp cho việc hành binh được kết quả mỹ-mãn. Liên-quân Anh-Pháp bị thất-bại trước sự chống-cự kịch-liệt của các pháo-đài Thổ-Nhĩ-Kỳ, mặc dầu các pháo đài đó chỉ có ít nhiều súng 305 li và 155 li.

Cách đây ít lâu, trong cuộc xung đột ở bến DAKAR, hạm-đội Anh gồm có nhiều chiến-hạm trong số đó có chiếc RESOLUTION, thiết-giáp-hạm mang 8 đại-bác 381 li đã phải rút lui trước đại-bác của thiết-giáp-hạm Pháp «RICHELIEU» và thần-công phòng-ngữ bờ biển.

Cuộc thất-bại đó chưa xóa nhòa trong trí nhớ mọi người, thì trong mấy tuần vừa qua, hạm-đội Anh đã bắn phá bờ biển Syrie để yểm-hộ cho lục-quân Anh, Úc. Các đại-bác khổng-lồ 381 li đã «làm mưa làm gió» trong mấy hôm liền. Không những thế, các chiến-hạm lại còn kéo sát đến ven bờ để dùng những súng hạng nhỏ (152 li) đánh các cơ-quan phòng-ngữ. Các chiến-hạm Anh đỗ gần bờ đến nỗi các lính Pháp nấp trong chiến-hào nghe rõ mồn-một những tiếng các thủy-binh Anh (đứng xếp hàng trên boong tàu) vang ầm hoan-hô mỗi khi thấy một viên trái-phá rơi trúng đích.

Nhưng chẳng bao lâu, quân Pháp đặt đại-bác phản công lại (contre batterie). Từ đấy, không thấy các chiến-ham Anh khinh thường như trước nữa. Hạm-đội Anh vội vã rút ra ngoài khơi xa lắc Cuộc bắn phá thấy bớt kịch liệt và thỉnh thoảng các tàu Anh mới nhả một loạt đạn lên bờ.

Những việc đã xảy đem lại một kinh-nghiệm : Nếu cỡ súng sàn sàn bằng nhau, thì chiến hạm không thể thắng được pháo đài và lắm khi một pháo-đài có súng hạng vừa (152 li) có thể làm khó dễ cho các chiến-hạm mang súng hạng nặng (203 li, 305 li).

Tại sao lại có sự hơn kém như vậy ?

Trước hết, hãy xét qua về tầm súng (portée) của pháo-đài và chiến-hạm. Nòng súng càng dài thì tầm súng càng xa. Thường thường vì chiều dài các chiến-hạm có kích-thước nhất-định, nên các lầu súng trên tàu không thể mang được súng quá dài. Một khẩu đại-bác thủy-quân chỉ có thể dài gấp 50 lần cỡ súng (50 fois le calibre) mà thôi. Tỉ như đại-bác 406 li thì chiều dài là 50 lần 406 li, tức là 20 thước 30 phân và không thể dài quá được con số đó. Trái lại, pháo-đài phòng-ngữ bờ biển (batteries côtières) có thể mang súng dài hơn 55 lần cỡ súng, vì pháo-đài ở trên đất liền, nên các giá - súng (affûts) có thể dài mà không cản trở gì hết. Các đại-bác dưới chiến-hạm thường thường bắn xa từ 25 đến 48 cây số là cùng, còn các đại bác phòng-ngữ bờ biển có thể nhả đạn trong khu-vực từ 30 đến 60 cây số. Sự hơn kém thật là rõ rệt. Cuộc chiến đấu giữa chiến-hạm và pháo-đài có thể ví như cuộc thử tài của hai võ-sĩ một người tay dài, một người tay ngắn. Chiến hạm bao giờ cũng ở trong tầm súng của pháo đài. Trái lại, pháo đài bao giờ cũng ở quá tầm các đại-bác dưới chiến hạm.

Bây giờ, ta nên xét đến sự bắn trúng đích (precision du tir). Đỗ ở ngoài khơi bắn vào, hình-ảnh của chiến-ham in rất rõ trên nền giời, nên chiến-hạm sẽ là một cái đích rất dễ ngắm. Các pháo đài đều chôn ngầm dưới đất. Các súng nhô lên bắn, rồi lại tụt xuống (tourelles à éclipse), nên các chiến-hạm khó nhận ra được. Ấy là chưa kể các cách trá-hình (camouflage) rất khéo để che mắt địch quân, tỉ như : đặt nhà giả, cây giả, lầu súng giả. Trong ống viễn-kính (télémètre) của chiến-hạm, hình ảnh pháo đài hiện một cách lờ-mờ và sẽ là một vệt đen thỉnh-thoảng lạp-lòe một vài tia lửa của đại-bác đang nhả đạn.

Trong trận thủy chiến CORONEL hồi Âu chiến, đô-đốc VON SPEE chỉ huy hạm-đội tuần-dương Đức đã điều-khiển cho chiến hạm đi men đất liền, để hạm đội đô đốc Anh CRADDOCK đứng về phía mặt trời lặn, nên các đại bác Đức đã bắn chìm các tàu « GOOD HOPE » và MONMOUTH hiện rất rõ-ràng trên nền giời xanh.

Tên các vị đã giả tiền báo :

Muốn tiện việc, chúng tôi đăng quý tính phương danh các bạn đã giả tiền báo, ngài nào giả rồi mà không thấy tên đăng dưới đây xin cho nhà báo biết ngay để chúng tôi dễ tra cứu (ở bảng này không kể các ngài giả tiền rồi đã có biên lai của nhà báo) :

Ô. Nguyễn-văn-Đáng	Cao Bằng	1 p	50
Nguyễn-xuân-Quang	Cholon	1	50
Lê-ngọc-Trạ	—	1.	50
Đào-văn Tấn	Vĩnh-Yên	1.	50
Kim-v Mùi	—	1.	50
Tra-xuân Cồn	Hanoi	2.	00
Dụy-Tân	Đáp Cầu	0.	78
Ng dình-Chiểm	Vĩnh Yên	4.	10

(Còn nhiều nữa)

ĐẠI-BÁC TRONG CHIẾN-HẠM

Một chiếc chiến-hạm to đến đâu mặc dầu cũng bị sóng bể làm chòng-chành. Những hôm sóng to, gió cả, các tàu chiến hạng nhẹ bắn rất khó trúng đích và những khi biển động, các thiết-giáp-hạm vững-chãi như tòa thành cũng không khỏi bị lay truyền. Ấy là chưa kể khi bắn đại-bác, tiếng súng nổ làm rung động lầu chỉ-huy (blockhaus de combat) và viễn-vọng đài (plate forme de télémétrie).

Các chiến-hạm lại còn phải lo nỗi ống kính bị mờ bởi những giọt nước bể nhỏ li ti như hạt bụi hắt vào mỗi khi gió thổi, nên khi lâm-trận, kỵ nhất là để tàu đứng ngược chiều gió.

Những điều trở-ngại cho chiến-hạm không có ảnh-hưởng gì đến pháo-đài, vì pháo-đài xây ở ngay trên đất liền, nên không ngại gì sóng gió.

Sau hết, ta bàn đến sự kiên-cố của pháo-đài và chiến-hạm.

Các chiến hạm hạng nặng đều bọc thép dầy từ 30 phân đến 40 phân để chống với đạn 381 li hoặc 406 li. Ngoài ra các boong đều bằng thép dày và làm thành 2 tầng để đủ sức chịu đạn (double pont blindé). Song hai tầng boong bọc thép đó liệu có thể chống nổi được nhiều viên đạn nặng 1 tấn rơi liên-tiếp xuống không ? Chắc không ! Vì sức chịu đạn chỉ có hạn.

Pháo-đài xây bằng si-măng cốt-sắt, trong là thép, ngoài bọc bê-tông lại có đất bao-phủ một lượt ở trên nên pháo đài kiên-cố gấp mấy mươi chiến-hạm.

Muốn bắn tan một pháo đài ? Ít nhất phải hàng trăm tấn đạn nặng rơi trúng đích !

Trong trận đánh Dardanelles, các phi-công Anh-Pháp đi thám-thính trở về đều tuyên-bố rằng : trái-phá của hạm-đội Đồng-minh đã bắn tan các pháo đài bên địch. Nhưng các phi-công đó đã nhầm ! Các viên đạn nghìn cân đã đào biết bao nhiêu hố sâu, đã cày sới đất lên biết bao nhiêu lượt, nhưng tuyệt không bắn tan được các pháo-đài Thổ-nhĩ-kỳ và các pháo-đài đó vẫn trơ gan mà chống trọi.

Mạnh từ thế thủ đến thế công, các pháo-đài phòng ngữ ven bể hơn hẳn các chiến-hạm một bực. Các súng to của pháo-đài sẽ ngăn các chiến-hạm không cho lại gần và các hạng đại-bác vừa sẽ hoạt-động để đánh lui các đoàn quân định đổ bộ.

Nói đến đây, ta lại nhớ đến cuộc tập trận Ô CÁP (cap. St Jacques) cách đây mấy năm, khi đô-đốc Godefroy mang hạm-đội tuần-dương từ Pháp sang ghé bến SAIGON. Dưới cờ của Đô-đốc, hạm-đội tuần-dương gồm có 3 chiếc cùng kiểu : GEORGERS LEYGUES, MONTCALM, GLOIRE, mỗi chiếc mang 9 đại-bác 152 li và 2 máy bay. Hạm-đội đó rất mạnh nhưng, sau khi thử đại bác với pháo đài Cap SAINT-JACQUES đành phải rút lui, vì theo các giám-định-viên trên tàu và dưới pháo đài, thì các tuần-dương-hạm của đô-đốc Godefroy không đủ sức để địch lại các thần công đặt trên Ô CÁP và bộ đội lục chiến đã hoàn toàn thắt trận khi tính cuộc đổ bộ bãi trên bể TIWAN.

NGUYỄN HUYỀN TĨNH

Hộp thơ

Ô. Ng. bích Sơn — Bài của ông rất hợp với tôn chỉ bản chí, ông viết lại công phu nữa, vậy mà không đăng được ! có tiếc chăng !

Ô. Ng. khánh Đàm Saigon — Đã đăng ở số này. Đã gửi thêm 30 số 1.

Các ông đại lý — Bản báo còn thừa xin cứ để lại đừng gửi về giả nhà báo vội.

Cac ông : Trời-Hận (*Tha-xà*), Anh-Ngẫu, (*Hà-nội*) Nguyễn-khắc-Cường, (*Bắc-ninh*) Lê-đức-Nhất (*Nam-định*), Bui-hạnh-Cần, Nguyễn-Nhún, (Hanoi) Nam-Anh, Việt-Quyên, Thiện-Bảo-Đã nhận được bài. Xin cảm ơn.

Cải chính.— Mấy chữ nhỏ trong bài « Mẹo tiếng ta » (III) : « *Thân-nhân* » thì *nhân* là *người* ; « *nhân-đức* » thì *nhân* là *hân-lành*.

Bài « Vài cái chủ trương » (T. T. số 4, tr. 2) : *trường* sửa là *trương*.

SAIGON
12, Rue Sabourain
Tổng phát hành

TRI TÂN TẠP CHÍ

Tiệm sách : **NGUYỄN-KHÁNH-ĐÀM**
Bán báo sách Bắc

Kiểm duyệt bỏ
trọn một bài

Tiếng Anh rất cần trong lúc này. Muốn học tiếng Anh một mình, chỉ nên mua quyển :

MANUEL DE CONVERSATION

EN ANGLAIS, FRANÇAIS et ANNAMITE

Sách tự học tiếng Anh theo cách chóng biết nói

Soan-giả DƯƠNG-TỰ-NGUYÊN

có bằng tốt nghiệp cao đẳng về tiếng Anh
Từng làm giáo-sư về tiếng ấy trong 10 năm

Một quyển sách tự học tiếng Anh tốt nhất, vì đúng giọng, hợp mẹo, dễ học và mau tấn tới

140 trang, giá 0p.60. Cước thường 0p.10. Gửi cho hiệu sách Đông-Tây, 195 phố hàng Bông — Hanoi

Thống chế PÉTAIN đã nói :

« Ta không phải là người đi « đánh lừa quốc-dân bằng những « lời dối-trá. Ta thù ghét những « sự giả-dối nó đã làm cho quốc- « dân xiết bao điêu-đứng. Đồng « ruộng không lừa-dối ; bao giờ « đồng ruộng cùng vẫn là con « đường trợ-cứu của quốc-dân ».

Thằng Ngô

Tiếp theo trang 11

chắc chưa thể mở đi được. Như câu : « *Giặc bên Ngô....* » Thì chắc do tâm lý dân ta bấy giờ đã trải nỗi chính-trị tàn khốc của quan lại nhà Minh mà thốt ra. Lại như câu: « *Vua Ngô băm sáu tàn vàng, chết xuống âm-phủ chẳng mang được gì ; chúa Chổm uống rượu tỳ tỳ, chết xuống âm phủ kém gì vua Ngô* ». Vua Ngô, chúa Chổm nói ở đây, cũng ở vào đầu cuối đời nhà Lê cả. Đủ biết những câu tục ngữ nào có chữ thằng Ngô có lẽ đều ở vào đời nhà Lê mà ra vậy. Từ sang nhà Nguyễn đến giờ người mình lại đổi gọi người Ngô ra người Tàu, hay người Khách. Cái nghĩa đổi gọi như thế cũng dễ biết, vì nhà Thanh thay nhà Minh đã lâu. « Tàu » là người Trung-quốc chở tàu đem hàng hóa sang bán ; « khách » nghĩa là người ở nhờ.

Trong Nam-kỳ lại gọi người Trung-hoa là « Chiệc » có lẽ cũng do cớ khách trú thường là người tỉnh « Chiết »-giang mà ra chăng.

Thế mới biết sự xưng hô cũng tùy thời mà thay đổi. Lâu đời, những tiếng xưng hô xưa, như « thằng Thát », ta không nói đến nghe khí lạ tai ! Còn tiếng « thằng Ngô » như phương ngôn vẫn vẳng bên tai mà ta hãy còn ngờ ? Vậy thì những tiếng như cái chén « tống », cái bát « ngô » kia, hẳn không ai còn lạ nữa chứ ?

LIÊN-GIANG

Kiểm duyệt bỏ

Đón coi số sau :

Thơ Vương-Duy *của Hoa-Bằng*
Lịch-sử tiền-tệ ở Đông-dương *của Linh-Quang.*
Khoa võ hội thí năm Canh-thìn (1880) *của Tiền-Đàm*
Ngô-nhân-Tĩnh. *của Nguyễn-Triệu*
Chỉ cách tính năm âm dương lịch *của Nguyễn văn-Minh*

Tin vắn hằng tuần

Đông-Dương

Trường Lycée Yersin ở Dalat sẽ dùng làm nơi nghỉ-mát cho các học-sinh Pháp các xứ từ 9 đến 14 tuổi.

Ông Georges Gautier được cử làm Phó-Toàn-Quyền Đông-dương thay ông Delsalle.

Ông Delsalle được bổ Thống-sứ Bắc-kỳ thay ông Grandjean

Ông Grandjean được cử làm Khâm-sứ Trung-kỳ thay ông Graffeuil mệnh-một.

Bữa 20 Juin, 93 tù-binh Pháp được thả từ Thái-lan về đã đến Battambang ; 18 tù-binh Thái-lan cũng từ Đông-dương về tới Aranya.

Quân-Pháp Hội-Nghị họp ngày 25 juin 1941 đã xử tử vắng mặt bốn người : Trương-Hữu-Trí, Hoàng-văn-Choi, Song, Mong-van-Công vì cau tội hôm 28, 29, 30 Septembre 1940 bắt trói binh-sĩ Pháp ở làng Hội-hoạu,châu Thoát-lãng (Nacham) Hiện nay bốn tội-nhân ấy hãy còn trốn.

Tờ «Effort Indochinois» của ông Vũ-đình-Dy bị cấm không được phát hành nữa Báo «Avenir du Tonkin» cũng đình bản.

Để trừ nạn đầu cơ sợi, các nhà chuyên-trách Hải-dương có khám nhiều nhà ở phố Auvergne và bắt được 10 kiện sợi trị giá 1.500p.

Diêm khan và đắt.

Quốc-tế

Đức và Hoa-kỳ sắp tuyệt-giao. Đức bắt đóng cửa các tòa lãnh sự Hoa-kỳ ở Đức và ở các nước thuộc Đức Ý cũng hạ lệnh đóng cửa các tòa lãnh-sự Hoa-kỳ ở Ý và thuộc-địa Ý. Hoa-kỳ cũng hạ lệnh đóng cửa các lãnh-sự Đức ở Hoa-kỳ và bắt kiều-dân Đức phải dời khỏi Hoa kỳ ngay.

Ngày 16 juin 1941, một đoàn 525 chiến-sĩ bị thương ở Đức về đã tới Marseille.

Một đoàn tù-binh đã về tới Lyon sáng 16 Juin 1941.

Không quân Đức ném tạc-đạn xuống cù-lao Chypre nhiều người bị thiệt mạng

Số 3

Thử viết

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

HOA-BẰNG

NAY nên phân-biệt : Đồng-thoại có hai thứ : một là «dân-tộc đồng thoại»; hai là « truyện ngụ ngôn ».

Dân-tộc đồng-thoại, do bước trải qua trên đường phát-triển của một dân-tộc, làm ra cách tự-nhiên (như truyện bánh chưng, bánh dầy, truyện trầu cau...)

Ngụ-ngôn là do người trong dân-tộc đặt ra một cách có ý (như truyện Thằng Cuội với Con Hồ, v. v.)

Dẫu là lối nào mặc lòng, hễ nó đã được truyền khẩu từ người nọ qua người kia, thì khi truyền-bá ra đó, chắc nó thế nào cũng nhuần-thấm vào trong phong-khí của một dân-tộc, nên, về mặt văn-học, nó cũng có giá-trị trước những cặp kính « khảo-cứu ».

Đây trở lên tôi đã kể ra bốn cái đặc-điểm trong văn-học-giới nam-việt. Ấy còn chưa kể những cái mới nhập-tịch từ sau khi Âu hóa. Chúng ta, ai nấy nếu chịu khó hết lòng, hết sức vun bón cho cây quốc-văn thì bông trái tương-lai của nó sẽ rực-rỡ tốt-tươi biết đâu mà hạn-lượng...

TIẾT BA

Hán học truyền sang nước ta

Hán-học, đối với ta nay, đã đóng một vai quan-trọng trong văn-học giới. Trong rừng văn-tự, nó đã đâm rễ ăn sâu, hút được bao đồ tư-dưỡng để nuôi cây « quốc văn » cho ngày càng tốt tươi, bát ngát. Với nó-quốc văn đã chung một mạch máu sinh tồn, phát đạt, lẽ tất nhiên ta phải biết công nó, yêu mến nó.

Theo sử chép : Hán-học thực liên-lạc khăng-khít với văn-học ta mấy nghìn năm nay. Kể từ hồi Bắc-thuộc lần thứ nhất (năm 111 trước J. C.) đến năm bãi bỏ thi Hương (Bắc-kỳ bãi thi Hương từ 1915 ; Trung-kỳ từ năm 1918), trong khoảng hơn 2000 năm đó, Hán-học đã chi-phối xuốt cả xã-hội Nam-Việt. Nó nghiễm-nhiên như một đám thực-dân thoát-ly hẳn chính-quốc mà độc lập rồi. Các cụ ta xưa học chữ Hán, viết văn Tàu, coi chữ Tàu như một thứ chữ bản quốc. Cho nên phàm các công-văn và tư khế, từ trong triều đến ngoài nội, đều dùng chữ Hán cả. Vậy, như trên đã nói, chẳng những ta không nên thoát ly Hán tự, mà lại còn cần phải nhận nó là một tên dân đã chính-thức nhập-tịch trong làng văn-học Việt-Nam.

Để biên-tập thành bộ văn-học sử, ta nay cần phải thu-thập các tác-phẩm bằng Hán-văn của các cụ xưa : cái nào có giá-trị, tức là tài-liệu đó. Vậy, Hán-văn cũng như Việt-văn, nếu tác-phẩm nào đã là con đẻ tinh-thần của người Nam-Việt thì đều là đối-tượng (objet) cần phải khảo-cứu. Nhà văn nào đã trước-tác bằng Hán-văn cũng được qui như những ai đã làm được các sách bằng Quốc-ngữ hoặc chữ Pháp, chứ chúng ta quyết không nên đãi họ bằng con mắt lạnh-lùng. Chỉ có điều này đáng tiếc : khi muốn giới-thiệu tác phẩm của họ, ta phải tốn công phiên dịch chữ Hán ra nôm mà thôi.

Đó, Hán-văn quan-hệ với văn-học ta là thế. Vậy đối với công-cuộc truyền bá Hán-học vào xứ này, ta cần phải biết rõ nguyên-ủy và cái lịch-trình ra sao.

Trước nhất Bắc-kỳ. — Cứ như sử chép thì người mình học chữ Hán bắt đầu từ hồi Bắc-thuộc lần thứ nhất (từ năm 111 trước đến năm 39 sau J. C.). Thấy ta chưa biết văn-tự, Hán Vũ-đế sai thái-thú các quận dạy ta học chữ nho. Đời Hán Quang-vũ, Tích-Quang, thái-thú Giao-châu (vào khoảng đầu Tây lịch), dựng trường dạy học. Ta có trường học Hán tự là từ đó. Nhưng về việc vỡ lòng học chữ Hán này, nhiều người cãi rằng ta biết chữ Hán từ đời Triệu-Đà kia rồi, chứ có đợi đâu đến bấy giờ mới học. Phải, tôi cũng công nhận như vậy. (1) Vì dân Việt-Nam từ khi bị Triệu-Đà thống-trị, sống dưới trị quyền những kẻ đã từng thở hút không-khí Hán-văn, chắc thế nào cũng phải học chữ Hán để giao thiệp trực tiếp với họ. (2) Chẳng qua đến khi nội thuộc nhà Hán thì quan lại Tàu lại dạy thêm cho biết rộng, hiểu nhiều đó thôi.

---

(1) Coi bài tường luận ở chương thứ ba.

(2) Trong bài « Tiếm-bình » dưới truyện « Sĩ-Nhiếp » ở sách « Việt-Điện U-Linh-Tập, Cao-Huy-Diệu có viết . «Từ Triệu Vũ-Đế cai-trị bằng quận, đã đem thi, thư mà sửa dạy phong tục trong nước». Như vậy Cao-Huy-Diệu cũng công nhận Triệu-Đà đã dạy ta chữ Hán rồi.

(Còn nữa)

Văn-học Âu-Tây

Bà PEARL S. BUCK

(Được phần-thưởng văn-chương Nobel năm 1938)

BÀ là một tiểu-thuyết-gia người Mỹ, sinh ở tỉnh Hillsborough trong quận Virginie của Hợp-chúng-quốc (Hoa-kỳ) ngày 26 juin 1892 Cha giòng-giõi người Hoá-lan, mẹ vốn người Mỹ, cả hai đều là nhà truyền-giáo tận tâm. Bà Pearl Buck (khi còn con gái thì tên là Pearl Sydenstricker) là người đàn bà thứ tư được phần-thưởng văn-chương Nobel (năm 1938).

Song-thân bà được cả thảy bảy người con. Bà là thứ sáu. Bà được cha mẹ đem sang Tàu từ khi còn thơ-ấu. Mục-sư Sydenstricker và vợ con đến ở một nơi rất hẻo lánh, một nơi mà « chỉ có nhà ông là người da trắng thôi ».

Hồi ấy chỉ có người em trai cô bé Pearl là sống sót, còn các anh cô đều chết cả. Cô bé học nói tiếng Tàu với những nữ-tỳ của bố mẹ cô và những trẻ con trong làng. Cô nói sõi tiếng Tàu trước khi học tiếng Anh. Cô sống cả một thời thơ-ấu buồn tẻ ở Chinkiang, trên bờ sông Dương-tử, trong một cái biệt-thự nhỏ làm trên đỉnh một ngọn đồi, bao-quát cả một vùng suốt tỉnh-thành ra đến giòng sông.

Bà mẹ cô là người kiên nhẫn và thùy-mị. Chính bà đã cho cô cái giáo-dục sơ-khai. Nữ sĩ có viết về bà như sau này : *« Tất cả cái gì tôi biết đều là ở bà ra cả... Bà dậy tôi ghi chép hết thảy cái gì tôi nhìn thấy và cảm thấy. . Bà làm cho tôi nhìn cái gì cũng đẹp cả. Bà dậy tôi hiểu-biết mỹ-thuật, âm-nhạc, văn-chương... ».* Trong những giờ nghỉ học, cô bé tung-tăng chạy nhảy khắp núi nọ, đồi kia, nghe chuyện những người dân quê Trung-hoa, có khi lại nói chuyện với họ. Cô giữ mãi người vú già bản-xứ ở với cô. Chính người ấy đã thuật lại tường-tận với cô cuộc đời mình, cảnh nhà mình và chuyện giặc Thái - Bình mà mình đã được chứng-kiến.

Năm mười lăm tuổi, cô Pearl Sydenstricker vào làm lưu học-sinh trong một trường học ở Thượng-Hải. *« Hồi ấy, tôi không còn coi tôi khác dân bản-xứ một ti nào cả ».*

Mãi đến năm 1909 (17 tuổi), cô mới trở về Mỹ, theo học ở trường trung-học Randolph Macon, trong quận Virginie. Giữa những người đồng-chủng với cô, cô có cái cảm-tưởng như một người xa lạ ; hơn nữa, một người khác giống.

Vì bà Sydenstricker, mẹ cô, ốm nặng, nên cô phải trở lại Trung Hoa. Hai năm ròng rã, thuốc thang cho mẹ, thỉnh-thoảng cô chỉ đi chơi hay chuyện gẫu với vài bạn người Tàu.

Chính vào hồi đó, cô kết-hôn với một nhà truyền đạo người Mỹ là John Lossing Buck rồi theo chồng lên miền bắc nước Tàu và ở luôn đấy trong ngót năm năm. Ở đấy, hai vợ chồng phải trải qua những giờ rất nguy-hiểm : đói khát khổ sở, chứng-kiến những trận giặc cỏ « choảng » nhau, nhìn những viên đạn tua tủa bắn vào cái nhà nhỏ mình.

Bà Pearl Buck bấy giờ cũng là một nhà truyền-đạo, chia công việc, xẻ nguy-hiểm với chồng. Bà là người bạn tin cậy của hạng phụ-nữ rất nghèo-hèn Trung-hoa : nghe họ kể những chuyện tâm-tình, đi sâu vào cuộc đời của họ, và gom góp — một cách vô-tình — những tài liệu để sau này viết sách.

Hai vợ chồng đến ở Nam-kinh ; chồng dậy khoa dân-xã kinh-tế và xã-hội-học ở trường Đại-học ; vợ cũng dậy môn Anh-văn trong trường ấy.

Trong mười năm trời sống ở Nam-kinh, trong cái nơi đầy giặc-giã, hai vợ chồng có được hai mụn con gái. Bà Pearl Buck chuyên đọc *« hết thảy những tiểu-thuyết của Trung-hoa »* : Bà biết có tới mười sáu ngàn chữ hán.

Bà bắt đầu viết báo. Năm 1923, một tờ tạp chí Mỹ là « The Atlantic Monthly » có đăng một truyện ngắn ký tên bà, đầu đề là *« Một người đàn bà Tàu lên tiếng . ».*

Rồi đến một truyện dài thứ nhất « *Vent d'est, vent d'ouest* » (1) xuất-bản năm 1930 (bà đã 38 tuổi). Đấy là sự xung-đột thê-thảm của hai nền văn-minh đông tây: một người con trai trong một gia đình quý-phái trung-hoa, sau khi đi du học ngoại quốc, đem về nhà một cô vợ Mỹ, trong khi em gái chàng, chịu giáo-dục trong khuôn phép tối cổ, lại lấy một vị bác sĩ đã từng sang học bên Âu-châu và đem theo về một quan niệm khác hẳn về tình-ái và cuộc đời.

Đến năm 1931, nữ-sĩ mới xuất bản quyển « *The Good Earth* » (dịch sang chữ Pháp lấy tên: *La Terre chinoise*), tuy bắt đầu viết ở Nam kinh từ năm 1927. Đấy là phần thứ nhất trong một thiên trường-ca của nước Trung-Hoa cổ lỗ với những phong-tục, những tín ngưỡng, những dị-đoan, được ghi chép dưới ngòi bút tự-nhiên và xác-thực. Tác-phẩm ấy vẽ lại cho ta thấy một cách thương-tâm cuộc đời sống của một gia-đình dân quê trong thời loạn. Thật là một bức tranh vô cùng linh-hoạt về tâm-lý người dân Trung-hoa. Phải là một người đã bao năm sống giữa đám dân quê ấy mới viết nổi một văn phẩm như thế, chứ một du-khách chỉ lướt qua trong năm bữa nửa tháng thì làm sao hiểu được người Trung-hoa như nữ-sĩ đã hiểu tường tận, rạch ròi?

Cuốn «The Good Earth» được hoan-nghênh nhiệt-liệt, và ngay năm sau (1932), tác-giả nó được giải-thưởng Pulitzer của Mỹ, giống như giải-thưởng Goncourt bên Pháp. Mấy tháng sau, cuốn sách ấy được hai tài-tử là Owen và Donald Davis đem lên sân khấu ở New York; bản dịch ra chữ Pháp của Théo Varlet lại còn nẩy được phim «Visions d'Orient» nữa.

Cuốn tiểu-thuyết ấy là ca một nước Tàu «cũ», bí-mật và lạnh lùng, khư-khư ôm chặt cái văn-minh mấy nghìn năm. Trên kia đã nói nó là phần thứ nhất của một thiên trường-ca, còn phần thứ hai tức là cuốn «*Sons*» (nghĩa là con trai) xuất bản năm 1932 (dịch sang chữ Pháp lấy tên: *Les Fils de Wang Lung*). Những đứa con của ông lão nhà quê tiêu-biểu cho nền văn-minh thái-cổ, trở nên những người hoạt-động, tham-lam, loạn-tặc. Đấy là bức tranh của nước Trung-Hoa mới tỉnh dậy, sau giấc ngủ ngàn năm, cũng muốn chen chân góp mặt với thế-giới.

Rồi đến phần thứ ba là cuốn «*A house divided*» xuất bản năm 1934 (dịch sang chữ Pháp lấy tên: *La Famille dispersée*). Đây là sự xung-đột giữa tư-tưởng cấp-tiến của bọn thanh-niên và căn-bản thủ-cựu của thế-hệ người làm cha mẹ. Chàng Yuan, con ông già Wang, tuy kính-trọng cha, nhưng ham muốn tự-do, mới từ giã quê-hương sang Âu châu du-học. Sau năm sau trở về tổ-quốc, chàng thấy mình xa-lạ quá, không còn một tí gì liên-lạc với thế-hệ cũ, không thể ruồng bỏ hết thầy phong-tục cũ mà cũng không thể hoàn-toàn theo mới được.

Ngoài ba tác-phẩm ấy, hay nói cho đúng, ngoài tác-phẩm gồm ba quyển ấy, nữ sĩ còn viết mấy quyển nữa cũng thuộc về cái đề: đời sống của người dân Trung-hoa. Đấy là quyển «*The First wife*» in năm 1932 (dịch sang chữ Pháp lấy tên: *La Première Femme de Yuan*), một tập truyện ngắn; rồi đến quyển «*Tous les hommes sont frères*» (1933) dịch ở một quyển sách chữ Tàu; sau nữa đến quyển «*The Mother*», in năm 1934 (dịch sang chữ Pháp lấy tên: La Mère)

«The Mother» là truyện thương-tâm của một người đàn-bà nhà quê Trung-hoa, nghèo hèn nhưng đảm-đang, tuy chồng bỏ, nhưng cũng cố tần-tảo để nuôi ba con và mẹ chồng. Đứa con út, theo cộng-sản, phải bỏ mình trên đoạn đầu đài. Đứa con gái, mù, lấy chồng trong một nơi rừng rú nào đấy. Bà mẹ lo lắng vì không nhận được tin con gái, khi tìm được đến nơi thì con đang hấp-hối. Tuy vậy, con trai lớn bà ta vừa có con trai: đứa cháu đến làm cho những ngày tàn của bà đỡ sầu khổ. Đau đớn thì nhiều, ngày vui nào có mấy! Không có chỗ nào dài dòng; không có những đoạn tả cảnh vô ích. Ngay tháng trọi. Người ta thay đổi. Cuốn truyện giản-dị đáng khen. «Người Mẹ» và «Đất nước Trung-Hoa» là hai văn phẩm trọi-lọi nhất trong những sách đã xuất-bản của Pearl Buck.

Năm 1933, hai vợ chồng bà Pearl Buck trở về Mỹ để dự một cuộc hội-nghị các nhà truyền-giáo. Bà Buck bị hội-nghị chất-vấn, cho là tin theo tà thuyết. Bà liền xin từ chức, hội-nghị ưng-thuận, tuy có hơi tiếc. Từ đó, bà thôi không ở luôn bên Tàu nữa, và những văn-phẩm của bà cũng thôi không có vẻ Trung-Hoa nữa.

«*L'Exilée*» và «*L'Ange combattant*» (1936) là hai tác-phẩm tuy tách riêng nhưng cũng có liên-lạc với nhau.

NHÂN-NGHĨA biên dịch

(Còn nữa)

(1) Tiểu-thuyết « *Vent d'Est, Vent d'Ouest* », chúng tôi đã thuật lại dưới đầu đề « *Gió đông, gió tây* » trong hai số « *Tiểu-thuyết thứ bảy* » (22 và 29 Juin 1940).

Nước Á với cuộc Âu-chiến *(tiếp theo và hết)*

Quận - công Aoste, dẫu xuống hàng, vẫn tin tương - lai thắng - lợi...

TRONG nước Á, nổi lên nhiều quân ái-quốc, làm nội-ứng cho quân Anh, lập được nhiều chiến-công oanh-liệt.

Quân Ý, sau nhiều cuộc thất-bại ở biên-giới Hy-lạp, mất hết nhuệ-khí, lại kém quân Anh về mọi phương-diện, nên không sao đương đầu với quân Anh được, phải giữ thế thủ, vừa chống, vừa lui.

Ngày 19 Mai 1941, quân Ý bỏ thành Amba-Alagi, đầu hàng : quân Anh bắt được 7.000 tù binh và rất nhiều chiến-cụ.

Theo nhời yêu-cầu khẩn-thiết của quận-công Aoste, quân Anh bằng lòng cho quận-công từ giã thành Amba-Alagi sau cùng Vì vậy mãi đến trưa hôm sau (20-5-41), quận-công mới bỏ thành này ra đi.

Quân thuộc-địa Anh lại có quân ái-quốc Á trợ-chiến, chiếm được nhiều nơi trọng-yếu miền Gondar.

Ở miền Nam, quân Anh chiếm được thành Dalle ở phía Nam Seiasci Amanna cách 40 cây số, bắt được 8.000 tù binh, trong số ấy có hai viên đại-tướng và nhiều võ-quan.

Trong các vùng khác, quân Anh vẫn tiến gấp, mặc dầu trời tầm-tã mưa.

Trước khi thành Amba-Alagi thất thủ, quận-công Aoste và thủ-tướng Mussolini có trao đổi điện-văn.

Tự lượng sức mình không sao đương nổi quân địch, quận-công Aoste điện trình thủ - tướng Mussolini :

« Hiện-thời, quân-sĩ bị thương nhiều, không lấy đâu đủ chỗ cho họ dưỡng bệnh mà cũng không làm thế nào chữa thuốc kịp cho họ ! Tình-thế mỗi lúc một nghiêm-trọng.

« Dù có hi-sinh đến đâu nữa, cũng vô ích, chỉ có thể chống nhau với quân địch trong một thời-gian ngắn ngủi là cùng. Tôi định điều-đình xin đầu hàng quân Anh một cách vẻ vang. Quân Anh đã ưng thuận !

« Trong cái giờ buồn thảm này, tôi tự an-ủi đã làm đủ các công-việc mà sức người có thể làm được. Tôi in trao lại quyền chủ sáy mà một năm nay Thủ-tướng đã ủy-nhiệm tôi. Trải bao trận gian-nan, nhờ có Thủ-tướng ủng hộ mà tôi không nản lòng. Vậy xin trân-trọng cảm-tạ Thủ-tướng.

« Chẳng bao lâu, quân ta sẽ trở lại xứ này. Vì danh-dự, vì tổ - quốc, máu người Ý sẽ một lần nữa tưới trên đất này ».

Thủ-tướng Mussolini phúc lại :

«Phải ! Quận Công đã cùng quân-sĩ chiến-đấu một cách anh-dũng, quá cái giới-hạn sức người có thể làm được.

«Dân Ý rất khâm-phục và đồng-ý với ngài : tin vào sự chiến-thắng của tương-lai».

Trước kia, quận - công Aoste tuyên-bố kháng-chiến đến cùng, nay nhất đán phải bỏ thành Amba-Alagi là một nơi then khóa của binh-gia Ý trên đất Á, lại phái đại-biểu xin đầu hàng quân Anh, đủ tỏ chiến-lược của Ý so với Anh thực kém sút !

Thành Amba-Alagi rất kiên-cố, xây trên một cái đồi cao, bị quân Anh vây hãm, rồi chiếm lấy làm thế ỷ dốc. Chiếm xong thành này, một số đông quân Anh, quân Nam-Phi và quân Á được rảnh tay, để theo đuổi cuộc chiến-tranh nơi khác.

Hàng 33.000 quân Ý và 36.000 quân thuộc-địa Ý hết sức cố-thủ để lưu quân Anh trong đất Á. Bởi vậy, quân Anh cần đánh gấp, để rút bớt đến các chiến-địa khác quan-trọng hơn.

Tuy nước Á chưa bình, nhưng người Anh đã đem ngay Á-hoàng về Á, tôn lên ngôi cũ, để yên lòng dân.

Á-hoàng đã yên vị, thì lòng dân quy-phụ. Vì vậy nước Á của cựu Á-hoàng sắp thống-nhất đã theo Á-hoàng đứng cạnh Anh-Đế-Quốc để chống nhau với Đức-Ý.

Theo điện - văn của quận công Aoste thì Ý còn nuôi hi-vọng một ngày kia chiếm lại đất Á. Nhưng sau này dù Ý có đem toàn-lực để khôi-phục lại nước Á, chắc cũng không dễ dàng như hồi 1935 !

Ngày 16 juin 1941, Thống-Tướng Ý Prelormo cùng 2000 quân Ý đã đầu hàng quân Anh trong vùng Soddon nước Á.

Ngày 23 juin 1941, quân Anh đã lấy được Djimma và bắt được 8000 tù-binh Ý.

Vì lòng dân Á đã chán ghét, lại có Anh giúp sức, lại có địa thế hiểm-trở, lại thêm Á-hoàng với mối thù xưa !... Trừ khi có Đức trợ lực... nhưng chắc đâu lòng người dễ thắng ?

Còn Anh, tuy mất vài nơi căn-cứ ở Địa-Trung-Hải, nhưng lại chiếm được nước Á, với một phần xứ Lybie miền duyên hải để làm thế ỷ-dốc cho kênh đào Suez, thì ngôi bá-chủ Địa-Trung-Hải cũng chưa dễ đổ sụp !

(HẾT)

NHẬT-NHAM

Ít danh-từ mới

THIỂU-SỐ DÂN-TỘC 少數民族

(Danh-từ thuộc môn chính-trị quốc-tế)

THIỂU-số dân-tộc (minorité) là một phần-tử dị-chủng cư-trú trong đất-đai của một cường-quốc và bị sáp-nhập vào trong phạm-vi chính-trị của cường-quốc ấy.

Ta nên biết rằng trừ ngoài mấy nước như Nga Sô-Viết, Hoa-kỳ là do nhiều dân-tộc họp lại mà thành ra, còn các quốc-gia đại-bộ-phận đều do một dân-tộc đan-nhất lập nên. Những hạng dân-tộc ấy, về chủng-tộc, tôn-giáo, tiếng nói và thói quen, họ đều có những cái biệt riêng của họ.

Song, ở trong một quốc-gia thường thường có nhân-dân thiểu-số : Hạng này từ nòi-giống, tôn-giáo đến tiếng nói và thói quen đều khác với số dân chiếm phần đông trong nước ấy. Thế là họ thành một dân-tộc gọi là thiểu-số dân-tộc. Cứ lệ : người Tây-Tạng ở trong nội-địa Trung-Hoa và thiểu số dân Đức ở Tiệp-khắc (Tchécoslovaquie) vân vân.

Đồng-thời, cần phải nói rõ : những ngoại-kiều cư-trú ở nước khác dẫu khác hẳn với dân bản-xứ về nòi-giống, tôn-giáo, ngôn-ngữ và tập-quán, nhưng không thể gọi là thiểu-số dân-tộc được, là vì họ không có quốc-tịch ở nước họ kiều-cư và họ vẫn được bảo-hộ ngang hàng với ngoại-kiều về mặt pháp-luật quốc-tế.

Trên lịch-sử trước giờ, bao giờ cũng vẫn có hạng dân-tộc thiểu số. Chẳng qua trước hồi Âu-chiến 1914-18, vì bản-đồ của các đế-quốc rộng quá, khí-diễm của chủ-nghĩa đế-quốc bốc cao quá, nên vấn-đề thiểu-số dân-tộc không nghiêm trọng gớm-ghê ! Nhưng, từ sau cuộc Âu-chiến trước, vì cái kết-quả của hòa-ước Versailles đem lĩnh-thổ thế-giới chia đi, lộn lại, khiến cho Âu-châu « đẻ » thêm mấy nước nhỏ nữa. Mấy nước nhỏ ấy, lẽ tự nhiên, mỗi nước khó lòng cắm theo chỗ khu-vực cư-trú của dân-tộc mà vạch chia quốc giới được. Vì vậy, thiểu-số dân-tộc mới thành một vấn-đề gay-go trên trường chính-trị quốc-tế.

Nội-bộ nhiều nước trên thế giới hãy còn có nhiều thiểu-số dân-tộc.

Kể suốt Âu-châu, thiểu-số dân-tộc cộng tới tám nghìn vạn (800.000.000) người (theo bản thống-kê năm 1938).

Còn trong nhiều nước ở châu Á và châu Mỹ, con số dân-tộc thiểu-số cũng không phải ít.

Những dân-tộc thiểu-số ấy thường thường bị áp-bách và ngược đãi bởi hạng dân-tộc đa số được cầm nắm chính-quyền.

Hội-nghị Versailles ngày trước đã phải đặc-biệt thảo-luận đến vấn-đề bênh-vực cho dân-tộc thiểu-số.

Hội-nghị ấy có qui định rằng phàm những nước mới lập như Ba-lan, Tiệp khắc, v. v. đều phải ký-kết vào điều-ước, xin thừa nhận về việc gìn-giữ, tôn-trọng sự tự do về nòi-giống, tôn-giáo và ngôn-ngữ của thiểu-số dân-tộc ở trong nước mình, phải nhận thiểu-số dân-tộc là vấn-đề quốc-tế và ưng-bứa cho họ có quyền-lợi được thỉnh-nguyện và kêu mách với Quốc-liên.

Về sau, vì vấn-đề thiểu-số dân-tộc này, đã gây nên bao việc lôi-thôi rắc-rối.

Ngọn lửa Âu-chiến bùng lên từ cuối năm 1939, một cớ cũng vì vấn-đề dân-tộc thiểu-số này.

T. T.

Mọi kỳ khác :

Lãnh-sự tài-phán quyền

TIỂU - THUYẾT LỊCH - SỬ

BÀ QUẬN MỸ

CHU THIÊN viết

SỐ 4

III

MẤY ngày sau cuộc thi bắn tại hồ Thủy-quân, Bạch-y nương ốm nặng. Nàng ốm vì tức bực cũng có. Ai đời người ta có thể khinh-khi nàng như vậy sao? người ta có thể coi thường nàng đến thế sao? Phải, - chẳng ra gì nàng cũng là một bậc tài-hoa, văn hay, võ giỏi, ngay thẳng, công bằng, trong sạch, cao quý, khinh thường mọi sự giầu sang quyền-quý, vậy mà nay, giữa cuộc thi kén bạn trăm năm, lại bị người ta làm nhục nhã trước mặt công chúng như thế, há chẳng đau buồn? Lòng tự ái bị thương nặng nàng bực tức một cách âm-ỉ... Nhưng suy đi nghĩ lại nàng không giận nhà võ-sĩ ẩn danh kia nữa. Nàng lại thấy kinh nể là khác. Giữa những người xu lợi, cầu vinh ra vào luồn cúi, một người đi vượt lên cả danh-vọng và sắc đẹp như vậy quả là một người cao thượng hơn đời. Không dám trách người nữa, nàng tự thẹn đã quá ồn-ào tự-đại! Nàng thấy mình hèn kém hơn nhiều. Rồi tự nhiên nàng thấy tràn ngập trong tâm hồn một thứ gì ấy, nó phảng-phất, nó huyền ảo, nàng không dám tin đấy là lòng yêu đương. Hai mươi hai cái xuân-xanh trên mái tóc, lần này là lần đầu tiên nàng có những cảm-giác phiêu phiêu như vậy. Nàng cố mường tượng lại lúc vừa-vụt mấy cái tên bắn trúng riêng từng hình-nhân, nàng thoáng thấy cái thân hình đẹp đẽ, cái cử chỉ lanh lẹn của tráng sĩ, nàng tin chắc con người ấy đẹp lắm và tài hoa lắm. Cho hay là những linh hồn vĩ đại rất dễ gặp nhau: cùng chí khí khẳng khái và quảng-đạt, cùng tâm tình trong sạch và thanh-cao, khúc đàn lòng chẳng chóng thì chầy, tất phải gẩy cùng một điệu. Nhưng xa mặt, vắng người, trong lòng rạo rực, triền-miên, mong mỏi!...

Bạch-y nương càng nghĩ lại càng chằn chọc không yên, rồi sinh ra tương tư, ốm nặng. Cái bệnh tức nất đã một phen biến chứng rất mau. Cả nhà hết sức săn sóc bịnh nàng vẫn không thuyên giảm. Nguyễn Tướng-công ở mặt trận Thanh-hoa về thăm con, nhận rõ những việc xẩy ra, đến bên nàng, yên ủi con và khuyên nhủ:

— Con cố thuốc thang cho mau khỏi. Để rồi ta bắt sống tên dân láo sược ấy về đây cho con trị tội.

— Không, thưa cha, cha không bắt được người ta đâu! Người ta tài giỏi và phóng-khoáng, biết tông-tích đâu mà dò! Vả, bắt người ta làm gì? Con có giận... đâu...

Nguyễn-tướng-Công gạn hỏi:

— Con bảo sao? Con không giận nó à? Thế sao con ốm? Thôi, con đừng giấu-giếm nữa!

Nàng ngập-ngừng;

— Không, con không giận chàng ta, mà con còn quý-trọng nữa!

Hiểu ý con, tướng-công ôn-tồn:

— Được, thế nào cha cũng bắt được tên ấy về cho con, tùy ý con xử định... Con chịu khó bình-tĩnh cho chóng khỏi.

◆

Tướng-công ra Phủ-đường, dặn giao công-việc cho mấy quan Thị-Lang và Lang-trung, rồi lên ngựa vào triều kiến, trình bày với Hoàng-thượng những công việc trọng-đại của quốc-gia và cuộc thi bắn hôm nọ. Xong đâu đấy, ngài lại cùng Mạc-kinh-Điển dẫn quân vào đánh Thanh-Hoa.

Hôm sau quan Phủ-doãn Phụng-thiên và các quan Tổng-trấn các trấn Sơn-nam, Dương Kinh (gồm Hải-dương, Hưng-yên và một phần Thai-bình bây giờ), Kinh-Bắc, Lạng-sơn, Sơn-tây và Tuyên-quang đều nhận được tờ mật-sức của Tướng-phủ như sau này:

« *Thừa tướng Thượng-tể Đại Nguyên-soái Thường quốc-công Nguyễn mật sức cho tổng-trấn trấn... biết rằng: Ngày mười sáu tháng tám vừa rồi, ở cuộc thi bắn tại hồ Thủy-quân, có một người ẩn-danh trúng cách nhưng không vào khai tên với quan giám-cuộc. Nay xét: Quốc-gia đương lúc cần dùng anh tài, những người bắn giỏi hiếm có như vậy thật đáng chuốc. Vậy mật sức cho Trấn-quan báo cáo các thuộc liên biết, phải để tâm và cho người dò xét khắp dân-gian: Hễ ai bắt được kẻ ẩn danh ấy đem nộp ở Tướng-phủ thì được lĩnh năm trăm quan tiền thưởng! Bằng ai giấu-giếm, ẩn-lậu, bị Thượng-tỵ khám phát ra, tất phải trọng phạt. Nay sức*

« *Hoàng-hiệu Thuận-phác năm thứ ba, tháng tám, ngày hai mươi hai.*

« *Thừa tướng Phủ, Lại bộ Tả thị Lang Lê-Lênh phụng thảo.* »

◆

Tờ thống-sức ấy chỉ có một mục-đích là bắt cho được cái chàng ẩn-danh vô tình và nghịch-thượng kia! Nhưng, nghịch-thượng, kể cũng có. Còn vô-tình thì quả không.

Chàng đến ở Kinh-thành đã lâu. Hôm mười sáu, hay tin Bạch-y-nương mở cuộc thi kén chồng, chàng cũng như mọi người đã đến bờ hồ từ sớm, được trộm liếc cái nhan sắc tuyệt trần. Từ đó tâm-hồn chàng đôi phen ngây-ngất, bồi-hồi bồ-hồi... Chàng đã toan vào dự thi ngay từ lúc đầu. Không biết nghĩ sao, chàng lại thôi. Đứng xem mấy người bắn hỏng, chàng mỉm cười kiêu-ngạo, quay về nhà trọ. Chàng tự trách tấm thân nam-tử sức dài vai rộng sao lại nỡ đem làm trò cho một cô gái, mặc dầu cô gái ấy là hạng quyền quý, và đẹp nhất

đời. Cho thế là hèn, chàng cố sua-đuổi hết những ý-muốn mềm yếu mới nẩy ra vì quận-chúa. Ở chàng, lòng tự-chủ mạnh lắm. Chàng lên giường nằm, mở quyển binh-pháp Hồng-Vũ ra đọc, nhưng chỉ được một lúc thôi. Trong lòng chàng lại rạo rực thế nào ấy. Chàng vùng dạy, lấy cung tên, rồi lên ngựa phóng thẳng lối Tây Hồ vòng đê Cơ-xá rẽ vào làng Yên-thượng, ra bờ hồ Thủy-quân. Chàng buộc ngựa vào một gốc cây, đứng xem cuộc thi bắn đã bắt đầu rời rạc như buổi chợ chiều ! Dần dần thấy im không bắn nữa, mà trên khán-đàn người ta đã sắp-sửa ra về. Chàng trông lên lầu, ngắm lại dung-nhan quận-chúa. Rồi dương cung bắn : xiên ngang ngã rời hai hình nhân Kiệt-Trụ và sau đến Dương Qúy Phi. Chàng lấy làm hả-hê, sung-sướng, nhưng lúc ấy, thoáng trong trí, ý-nghĩ ban đầu lại đến « nhắc nhở » chàng, chàng liền nhảy phắt lên ngựa, phóng thẳng một mạch về cửa Đại-Hưng, vào chùa Tiên-Phúc (1), nơi chàng trọ.

◆

Ngồi một mình trong trai-phòng, giữa vẻ tĩnh mịch trang nghiêm của nhà chùa, chàng cảm thấy mình côi-quạnh tẻ ngắt ! Lần đầu tiên, một thứ buồn mênh-mông man-mác sâm-chiếm khắp lòng chàng. Với những ý-nghĩ xa-vời, chàng băn-khoăn, thắc-mắc... Chàng mở sách ra đọc, những giòng chữ nhảy múa trước mắt, chàng không lĩnh-hội được gì, trong lòng lại càng thêm bối-rối ! Hơn hai mươi tuổi đầu, với một tấm lòng hăng-hái và tự-chủ, chàng đã ngao-du khắp xứ, nuôi một chí-khí to-tát, định theo đuổi một sự-nghiệp phi-thường. Chưa bao giờ, phải, chưa bao giờ, chàng thấy tâm-hồn uỷ-mỵ.. Lòng chàng còn trong sạch quá, phẳng-lặng quá như mặt nước hồ thu chưa hề gợn sóng bao giờ Thế mà lần này, một sức gì huyền-ảo vô hình bỗng đến khuấy rối óc chàng, rồi tràn ngập xuống tim chàng, làm chàng rạo-rực, bứt rứt ! Chàng cũng thừa biết được nguyên-do..

Lặng-lẽ càng dễ khêu gợi cảm-xúc ! Chàng vội đứng dậy đi ra, qua cửa Đại Hưng, rẽ về phủ Thường-Tường. *Lượn đi lượn lại mấy vòng*, chàng lân la làm quen với bọn lính canh. Rồi ngày lại ngày, giả làm anh học trò trên Yên Phụ về, chàng vẫn phải qua Tường-Phủ để nói chuyện với bọn lính mới quen biết. Cái dụng-tâm của chàng rất có kết quả Được biết tin Bạch y nương từ sau cuộc thi bắn về ốm nặng, chàng rủn cả người, hối-hận mình tàn-nhận quá. Cũng như mọi người, chàng đoán nàng ốm vì quá giận. Ai đời lại quá ác-nghiệt đến làm nhục một vị tiên nga đáng thờ phụng, như thế bao giờ ! Nàng giận là phải lắm. Giá ở nhà thường dân, chàng đã chạy đến tận nơi, tha-thiết xin nàng thứ « tội » cho. Nhưng đây, nhà quan Thừa-Tướng canh phòng rất cẩn-mật, oai-vệ, thâm-nghiêm, chàng chỉ đành thở-than với bóng !

◆

Hôm sau, lại đến Tướng-Phủ, được tin mới có một tờ thông-tư về cuộc thi bắn hôm nọ. Chàng cố vặn hỏi cho rành-mạch tờ thông-tư ấy thế nào. Khi đã biết rõ, chàng ngẫm-nghĩ một lát, rồi giở về nhà trọ, ăn mặc lại trình-tề, từ biệt nhà chùa, nói thác là đi chơi nửa tháng, rồi lên ngựa phóng thẳng lại dinh quan Phủ doãn Phụng-thiên.

Đến nơi, lính canh không cho vào, chàng phải giả xưng là con quan Tổng-trấn Sơn-nam lên có việc cần, bọn lính mới vào bẩm và dẫn chàng vào..

Đến giữa công-đường, trông lên thấy quan Phủ-doãn mặc áo xanh, thêu kim-tuyến, đội mũ đỏ viền xanh, *ngồi trên cái sập sơn giải* chiếu cạp điều, sau cái yên-thư cao thiếp vàng óng ánh, bừa bộn những tập công-văn và sách-vở.

Chàng sụp xuống lạy vừa được hai lạy, thì quan Phủ doãn cho lính đỡ chàng dạy và cất tiếng rang-rẳng hỏi :

— Quan lớn nhà cho thày lên có việc gì ?

Lúc ấy, chàng mới khúm-núm kính-cẩn thú thật mình là kẻ đã bắn trúng riêng ba hình-nhân tại hồ Thủy-quân hôm no

Quan Phủ-doãn cau mày, trừng-trừng nhìn chàng rồi cáu-kỉnh hỏi :

— Tên là gì ? quê quán ở đâu ?

— Bẩm cụ-lớn, con là *Bùi văn-Khuê*, quán phủ *Trường-yên*, huyện *Gia-viễn*, xã *Chi-phong* thuộc trấn Sơn-nam.

Quan Phủ-doãn cầm bút biên mấy chữ lên tờ giấy trên yên-thư, rồi ngẩng lên hỏi tiếp :

— Sao hôm ấy anh lại trốn ?

— Bẩm, con thẹn, không muốn thiên hạ biết tên !

— Vì cớ gì hôm nay anh lại đến bắn dinh trình ta ? Anh ở đây ngụ nơi nào ?

(Còn nữa)

CHU-THIÊN

---

(1) Chùa Tiên Phúc tức chùa Bà Ngô ở phố Sinh-Từ bây giờ. Tương-truyền vua Lê thánh Tôn và Tú-Uyển đều gặp tiên ở đấy.

Phòng thăm bệnh của

BÁC - SĨ

Nguyễn-hữu-Phiêm

Chef de clinique des maladies cutanées et Syphilitiques à l'École de Médecine

Chữa các bệnh — Chuyên chữa các bệnh ngoài da, và bệnh đàn bà — Có phòng thí-nghiệm thử vi-trùng.

Buổi sáng : 11 giờ đến 12 giờ — Buổi chiều : từ 3 giờ đến 7 giờ

22, Rue des Pottiers (trước cửa đền hàng Trống)

TÉL. N° 15.38

Số 3

PHÁC SƠ VỀ

MẸO TIẾNG TA

(Dạng - bản văn - pháp)

ĐÀO DUY ANH

5· Tiếng mượn ở tiếng chàm ; (1)

Tiếng chàm	Tiếng việt
gigauk	*con cóc*
cin	*chiếng*
jei	*dây*
man	*nhằm*

6· Tiếng mượn của tiếng môn-mên :

Tiếng môn-mên	Tiếng viết
băng, bâng	*vắng*
châân	*chan*
lui	*lội*
khơm	*gớm*
khà	*kho*
mun	*mụn*
pa	*vá*

Gần đây, vì chịu ảnh-hưởng văn-hóa nước Pháp, nên tiếng Việt lại mượn rất nhiều tiếng Pháp.

1·) Những tiếng đọc sai nguyên - âm

xoong	*casserole*
xon	*solde*
cồn	*alcool*
lốp	*enveloppe*
rượu vang	*vin*
phó-mát	*fromage*
bồi	*boy*

(Chú ý khuynh-hướng hóa tiếng pháp đa-âm thành tiếng việt đơn-âm, hay ít ra cũng được bớt âm-vận đi).

2·) Những tiếng theo nguyên-âm

đường ray	*rail*
ga	*gare*
phô-nô	*phono*
ra-đi-ô	*radio*
ô-tô	*ô-tô*
ca-nô	*canot*

Những tiếng mượn của tiếng Pháp phần nhiều thuộc về đồ dùng Còn những tiếng thuộc về học-thuật mới thì người ta ít mượn của tiếng pháp, nhưng lại mượn tiếng của Tàu đã dịch sẵn ra chữ hán (2) mà đọc theo âm-hán-việt hoặc bắt chước người Tàu mà dịch ra chữ hán-việt.

Ví dụ :

khoa-học	*science*
triết-học	*philosophie*
văn-minh	*civilisation*
đề-chế	*boycottage*
công-nghệ	*industrie*
cách-mệnh	*révolution.*
dân-chủ	*démocratie*

Ảnh-hưởng tinh-thần người Tầu đối với người Nam hay là ảnh-hưởng của chữ hán đối với tiếng việt còn mạnh cho đến nỗi những tên người, tên đất của Âu-châu người ta cũng dịch theo chữ hán, ví dụ :

Napoléon	*Nã - phá - luân*
Wasington	*Hoa-thịnh-đốn*
Russie	*Nga-la-tư*
Belgique	*Bỉ-lợi-thì*
France	*Pháp - lan - tây*

(*sẽ tiếp*)

Đào-duy-Anh

(1) Theo bài Considérations générales sur la langue annamite của Lê-thành-Ý, đăng ở Bulletin général de l'Instruction publique n° 10, 1940.

(2) Về vấn-đề thâu nhập các danh từ mới này, xin các bạn coi thêm bài « *Danh từ mới* » của Hoàng-thúc-Trâm đăng ở báo Nước Nam số 28, ngày 17 Juin 1939.

CÁC BẠN MUỐN HỌC CHỮ HÁN

nên mua cho được

HÁN VĂN TÂN GIÁO KHOA THƯ

書科教新文漢

(Méthode moderne d'Enseignement des Caractères chinois)

soạn giả : Lê - Thước

Giải - Nguyên, giáo-sư trường cao-đẳng tiểu-học

Sách học chữ nho rất tốt, học hết bộ này có thể bút - đàm với người Tầu và người Nhật được

Mỗi bộ gồm 5 quyển giá cả bộ 1p.60. Cước 0p.38

Để cho hiệu sách Đông-Tây, 195 phố hàng Bông Hanoi